ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 178.../QĐ-UBND	*Bù Đăng, ngày 03 tháng 02 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 12/8/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-SNV ngày 22/9/2014 và Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện 2014;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện tại Biên bản số 06../BB-HĐTDVC ngày 02...tháng 02...năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp cho 630 thí sinh dự tuyển, trong đó có 205 thí sinh trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao phòng Nội vụ huyện niêm yết công khai danh sách công nhận kết quả tuyển dụng của thí sinh tham dự kỳ xét tuyển theo từng vị trí việc làm có nhu cầu tuyển dụng và thông báo kết quả trúng tuyển đến các thí sinh.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách công nhận kết quả tuyển dụng viên chức tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- Như Điều 3;
- Đăng Wed: http://budang.binhphuoc.gov.vn
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM BÁC SỸ- BVĐK HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nguyễn Thanh	Hợi	10/10/1983	Nam	Kinh	Phường An Bình- TX Dĩ An- Bình Dương	Bác sỹ	ĐH	Liên thông	Trường ĐH Y dược TPHCM		62,7	60	61	244,7	Trúng tuyển

Danh sách này có 01 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 04)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
ĐỀ NGHỊ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM DƯỢC SỸ- BVĐK HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nguyễn Thị Lệ	Thanh	20/4/1993	Nữ	Kinh	TT Lệ Ninh- Lệ Thủy- Quảng Bình	Dược sỹ	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng	11	74,7	68	98,5	339,7	Trúng tuyển
2	Hoàng Thị Hải	Yến	23/10/1992	Nữ	Kinh	Ấp 2-Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	63	75	93,66	325,32	Trúng tuyển
3	Điểu Thị Mai	Ly	30/8/1993	Nữ	M' Nông	Đăng Lang- Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Bách Khoa Sài Gòn	7;11	72	67	93	325	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	30/11/1991	Nữ	Kinh	Đức Thọ-TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	66	65	95,66	322,32	Hết chỉ tiêu
5	Trần Thị Thanh	Tịnh	10/10/1991	Nữ	Kinh	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	63	70	94,33	321,66	Hết chỉ tiêu
6	Điểu Lý	Thuận	17/5/1991	Nam	M Nông	Thôn Sơn Hòa 1- Thọ Sơn - Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	7;11	59,2	59,2	89,66	297,72	Hết chỉ tiêu
7	Phan Thảo	Nguyên	24/3/1991	Nữ	Kinh	Hòa Đồng- TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	11	63	69	72,67	277,34	Hết chỉ tiêu
8	Trần Thị Thanh	Thúy	02/09/1991	Nữ	Kinh	Phú Sơn- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	62	60	77	276	Hết chỉ tiêu
9	Đào Thị Hồng	Duyên	20/8/1991	Nữ	Kinh	Đức Lập-TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	11	60	56	72,66	261,32	Hết chỉ tiêu
10	Bùi Thị Hồng	Loan	09/07/1990	Nữ	Kinh	Bình Minh- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	65	70	58,66	252,32	Hết chỉ tiêu
11	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	10/03/1992	Nữ	Kinh	Thôn 5- Đoàn Kết-Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	5; 11	69	73	53,66	249,32	Hết chỉ tiêu
12	Lê Thị	Thủy	19/9/1992	Nữ	Kinh	Thôn 1- Đường 10- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	58	67	53,33	231,66	Hết chỉ tiêu
13	Thị	Pha	29/9/1980	Nữ	M Nông	Đăng Lang- Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	VL- VH	Trường TC y tế Bình Phước	7;11	57	52	57	223	Hết chỉ tiêu
14	Ngô Thị	Hương	19/2/1993	Nữ	Kinh	Thôn 5-Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	63	72	42,66	220,32	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
15	Dương Thị Thùy	Trang	23/12/1992	Nữ	M Nông	Đăng Lang- Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7; 11	59	67	39,66	205,32	Không đạt
16	Nguyễn Công	Hoàng	01/06/1987	Nam	Kinh	Hòa Đồng- TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		61	63	38	200	Không đạt
17	Nguyễn Thị	Mai	08/04/1988	Nữ	Kinh	Đức Liễu- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	61	52	34	181	Không đạt
18	Nguyễn Thị	Thủy	06/04/1992	Nữ	Kinh	Thôn 3-Phước Sơn- Bù Đăng- Bình Phước	Dược sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quang Trung	11	66	61	20.33	167,66	Không đạt

Danh sách này có 18 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 03).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐIỀU DƯỠNG - BVĐK HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178../QĐ-UBND ngày 03..tháng 02..năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Phạm Thị	Thảo	10/07/1991	Nữ	Kinh	Thọ Sơn- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Phương Đông	11	78,4	88,8	98	363,2	Trúng tuyển
2	Quách Thị	Hương	14/01/1991	Nữ	Mường	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC Tổng hợp Đông Nam Á	7;11	72	85	97,33	351,66	Trúng tuyển
3	Đỗ Thị	Tình	10/11/1988	Nữ	Kinh	Thị xã Phước Long- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC kinh tế Kỹ thuật Tây Nam Á	11	81	79	94,66	349,32	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị	Toàn	15/6/1989	Nữ	Kinh	Hoàng Sơn- Nông Cống- Thanh Hóa	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Quảng Ninh	11	75	76,6	96,33	344,26	Trúng tuyển
5	Đào Khắc	Đán	03/12/1990	Nam	Kinh	Bom Bo- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Hà Tĩnh		71,1	77,5	97,33	343,26	Trúng tuyển
6	Tạ Thị	Hường	04/09/1992	Nữ	Kinh	Minh Hưng- Bù Đăng Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Nam Định	11	75	92	87,66	342,32	Trúng tuyển
7	Nguyễn Thị	Lương	15/5/1991	Nữ	Kinh	Thị xã Đồng Xoài- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường ĐH Y khoa Vinh	11	79	86,6	88,33	342,26	Hết chỉ tiêu
8	Nguyễn Thị Kim	Thi	11/09/1991	Nữ	Kinh	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7;11	72	65	99	335	Hết chỉ tiêu
9	Trương Thị	Phượng	17/3/1993	Nữ	Kinh	Nghĩa Bình- Bù Đăng Bình Phước	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường ĐH kỹ thuật Y dược Đà Nẵng	11	76,7	60	99	334,7	Hết chỉ tiêu
10	Đàm Thị	Thịnh	11/02/1991	Nữ	Nùng	Thanh Long- Văn Lãng- Lạng Sơn	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Thái Nguyên	7; 11	68,7	68,7	96,83	331,06	Hết chỉ tiêu
11	Nguyễn Thị Mỹ	Hồng	01/09/1991	Nữ	Kinh	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC Quân Y 2		74	71	92,66	330,32	Hết chỉ tiêu
12	Trần Hoàng	Khánh	10/08/1992	Nam	Kinh	Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ y tế Phú Thọ		69	75	91,33	326,66	Hết chỉ tiêu

13	Nguyễn Thị Hoàng	Thanh	12/11/1990	Nữ	Kinh	TP Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk	Điều dưỡng	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Tây Nguyên	11	73,5	73,5	83,33	313,66	Hết chỉ tiêu
14	Đinh Thị Kiều	Như	14/10/1989	Nữ	Kinh	Tân Phú- Đồng Xoài - Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	5; 11	71	67	87,33	312,66	Hết chỉ tiêu
15	Đặng Thị Chi	Mai	08/09/1991	Nữ	Kinh	Hòa An- KRông Pắc - Đắk Lắk	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Phương Đông	11	69	72,2	79,67	300,54	Hết chỉ tiêu
16	Trần Công	Hưng	20/10/1991	Nam	Kinh	Thái Sơn-Thái Thụy-Thái Bình	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Thái Bình		72,2	64	81	298,2	Hết chỉ tiêu
17	Nguyễn Thị	Lài	05/07/1993	Nữ	Kinh	Phú Sơn- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	71	81,6	72,33	297,26	Hết chỉ tiêu
18	Lý Thị	Mai	24/11/1993	Nữ	Tày	TT Đa Tẻh- Đa Tẻh- Lâm Đồng	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC Y Dược Hồng Đức	7; 11	71	73	66,33	276,66	Hết chỉ tiêu
19	Trương Thị	Nhật	06/08/1991	Nữ	Kinh	Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC Quân Y 2	11	75	75	63	276	Hết chỉ tiêu
20	Phạm Thị	Vân	14/5/1990	Nữ	Kinh	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Thăng Long	11	70	70	66,66	273,32	Hết chỉ tiêu
21	Đào Thị	Trang	30/9/1993	Nữ	Kinh	Đắc Lua- Tân Phú - Đồng Nai	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Đồng Nai	11	73	63,3	66,66	269,62	Hết chỉ tiêu
22	Hứa Ngọc	Tuyên	04/11/1991	Nữ	Nùng	Thống Nhất- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Dương	7;11	76,1	75	57	265,1	Hết chỉ tiêu
23	Lê Thị Yến	Loan	08/10/1989	Nữ	Kinh	Bom Bo- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	11	72	74	56	258	Hết chỉ tiêu
24	Doanh Thị Thùy	Trinh	26/10/1993	Nữ	Tày	Đường 10- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7;11	65	83	46,33	240,66	Không đạt
25	Bùi Xuân	Thanh	02/09/1985	Nữ	Kinh	Hương Vĩnh- Hương Khê- Hà Tĩnh	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường CĐ y tế Hà Tĩnh	11	64	80	40,83	225,66	Không đạt
26	Dương Văn	Đắc	24/5/1988	Nam	Kinh	Bom Bo - Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC Quân Y 2		70	63	41,33	215,66	Không đạt
27	Bùi Thị	Vân	26/11/1991	Nữ	Kinh	Đoàn Kết- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	66	78	35,33	214,66	Không đạt
28	Trượng Nữ Thanh	Thùy	16/7/1987	Nữ	Chăm	Đường 10- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	7; 11	67	57	43,66	211,32	Không đạt
29	Đinh Hoàng	Sơn	20/8/1989	Nam	Kinh	Đồng Tiến- Đồng Phú Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường TC TT Điều Dưỡng và KT Y tế Hồng Đức		72	66,6	29,66	197,92	Không đạt
30	Trần Thị Kim	Thùy	20/11/1993	Nữ	Kinh	Đức Hòa- Mộ Đức - Quảng Ngãi	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	11	62	60	28	178	Không đạt

31	Hoàng Thị	Hường	01/12/1990	Nữ	Tày	Thống Nhất- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường Tc Âu việt	7; 11	67	67	15,66	165,32	Không đạt
32	Dương Thị	Nga	08/07/1989	Nữ	Kinh	EaKly-Krông Pắk-Đắk Lắk	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Huế	11	78,9	78,9	0	157,8	Không đạt (Vắng)
33	Nguyễn Thị	Tiết	20/10/1989	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng kỹ thuật Y tế II	11	77,6	77,6	0	155,2	Không đạt (Vắng)
34	Nguyễn Thị	Tâm	09/08/1993	Nữ	Kinh	Đoàn Kết- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	11	76	75	0	151	Không đạt (Vắng)
35	Hoàng Thị	Hoa	15/4/1992	Nữ	Kinh	Bom Bo- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Y tế Thanh Hóa	11	73,9	70	0	143,9	Không đạt (Vắng)
36	Hoàng Thị	Thiện	28/10/1990	Nữ	Kinh	Đồng Nai- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Yersin Đà Lạt	11	70	70	0	140	Không đạt (Vắng)

Danh sách này có 36 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 06)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỘ SINH- BVĐK HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178./QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Lương Thị Huyền	Trang	06/10/1991	Nữ	Nùng	Đăng Hà- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7; 11	65	60	Miễn phỏng vấn		Tuyển thẳng (cử tuyển DT ítN)
2	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/6/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	79,3	80	97	353,3	Trúng tuyển
3	Huỳnh Thị	Uyên	01/06/1993	Nữ	Kinh	TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	73,9	85	96,33	351,56	Hết chỉ tiêu
4	Nguyễn Thị	Thủy	24/4/1990	Nữ	Kinh	TT Tân Phú- Đồng Phú- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	75	72	98,66	344,32	Hết chỉ tiêu
5	Linh Thị	Nga	12/03/1987	Nữ	Nùng	Nam Xuân- KRông Nô- Đắk Lắk	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Đắk lắk	7;11	74	80	90	334	Hết chỉ tiêu
6	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/11/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	75,6	85	84	328,6	Hết chỉ tiêu
7	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	20/4/1992	Nữ	Kinh	Phước Tín- Phước Long- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	68	73	93,66	328,32	Hết chỉ tiêu
8	Dương Thị	Lương	13/2/1981	Nữ	Kinh	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	5;11	64	58	95,66	313,32	Hết chỉ tiêu

9	Trần Kim	Anh	25/3/1993	Nữ	Kinh	Phước Sơn- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	76,2	85	65,66	292,52	Hết chỉ tiêu
10	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/6/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	62	57	27,6	174,2	Không đạt
11	Lê Thị Thúy	Nhung	03/11/1988	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	69	70	0	139	Không đạt (Vắng)

Danh sách này có 11 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 02)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM KỸ THUẬT VIÊN- BVĐK HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Trương Quang	Nam	05/02/1992	Nam	Kinh	Ninh An- Ninh Hòa- Khánh Hòa	Kỹ thuật hình ảnh Y học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa		74,4	87,5	88	337,9	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị	Hương	07/01/1991	Nữ	Kinh	Phong Chương- Phong Điền - TT Huế	KTV XN Ký sinh trùng- Côn trùng	TC	Chính quy	Trường TC y tế Đặng Văn Ngữ	11	80	80	70	300	Trúng tuyển
3	Hoàng Đức	Quốc	02/05/1992	Nam	Tày	Thôn 4- Bình Minh- Bù Đăng- Bình Phước	Xét nghiệm	TC	Chính quy	Trường ĐH Y Dược TPHCM	7	59,5	61	70,33	261,16	Trúng tuyển
4	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	28/8/1992	Nữ	Kinh	TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Xét nghiệm đa khoa	TC	Chính quy	Trường TC Kỹ thuật và công nghệ Cửu Long	11	64	70	59,33	252,66	Hết chỉ tiêu
5	Trần Thị Thu	Nguyệt	06/07/1992	Nữ	Kinh	Tam Hiệp- Núi Thành- Quảng Nam	Xét nghiệm y học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam	11	79,4	84,8	40,66	245,52	Không đạt
6	Ngũ Thị Thạch	Anh	30/11/1991	Nữ	Kinh	Nam Cát- Nam Đàn - Nghệ An	Xét nghiệm y học	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Y khoa Vinh	11	71,1	77,6	29	206,7	Không đạt
7	Đào Khắc	Dũng	05/03/1991	Nam	Kinh	Quang Lộc- Can Lộc- Hà Tĩnh	Kỹ thuật Y học	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Y khoa Vinh		72,6	80	0	152,6	Không đạt (Vắng)

Danh sách này có 07 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 03)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN DỤNG VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM Y SỸ- BVĐK HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Trương Thị	Oanh	06/11/1991	Nữ	Kinh	Tiến Thành - TX Đồng Xoài -Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	77	82	98,66	356,32	Trúng tuyển
2	Biện Thị Hoài	Thơ	25/12/1994	Nữ	Kinh	Trường Xuân - Đak Song - Đak Nông	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2	11	77	78	100	355	Trúng tuyển
3	Đỗ Thành	Long	19/02/1994	Nam	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ Y tế Bình Dương		72	88	96	352	Trúng tuyển
4	Trương Thị Tuyết	Nhung	01/09/1993	Nữ	Kinh	Đường 10 -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ y tế Quảng Nam	11	71	77	97,33	342,66	Trúng tuyển
5	Hoàng Thị	Hường	27/4/1988	Nữ	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	69	72	98,33	337,66	Trúng tuyển
6	Lý	Mẫn	12/03/1989	Nam	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2		65	73	96,33	330,66	Trúng tuyển
7	Nguyễn Đăng	Khoa	05/02/1989	Nam	Kinh	Minh Hưng -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		70	77	91,33	329,66	Trúng tuyển
8	Phạm Thị Hồng	Hạnh	17/10/1992	Nữ	Kinh	Khu phố 3 thị trấn Cát Tiên Lâm Đồng	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2 Thành phố Hồ Chí Minh	5; 11	73	72	91,66	328,32	Trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Kim	Cương	14/12/1988	Nữ	Kinh	Đoàn Kết -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	66	70	95	326	Hết chỉ tiêu
10	Nguyễn Thị Hồng	Ly	24/2/1989	Nữ	Kinh	Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	65	67	96,33	324,66	Hết chỉ tiêu
11	Trịnh Hoàng	Phong	05/04/1991	Nam	Kinh	Đoàn Kết -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		64	65	97,33	323,66	Hết chỉ tiêu
12	Hứa Thị	Nga	01/04/1993	Nữ	Kinh	Đoàn Kết -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	66	65	95,67	322,34	Hết chỉ tiêu
13	Ngô Văn	Thật	28/4/1990	Nam	Kinh	Đức Liễu -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		71	55	96,16	318,32	Hết chỉ tiêu

14	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/11/1992	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung -Bù Đăng Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	67	70	88	313	Hết chỉ tiêu
15	Phạm Thị	Hoa	16/11/1991	Nữ	Kinh	Đắk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	72	70	84,66	311,32	Hết chỉ tiêu
16	Nguyễn Trần	Tuân	11/01/1992	Nam	Kinh	Minh Hưng -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		61	55	97	310	Hết chỉ tiêu
17	Lê Trần Thanh	Hiền	09/06/1993	Nữ	Kinh	Đoàn Kết -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	61	57	94	306	Hết chỉ tiêu
18	Nguyễn Văn	Đàm	01/03/1989	Nam	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Quân y 1		58	53	93	297	Hết chỉ tiêu
19	Nguyễn Thị	Lựu	15/12/1990	Nữ	Kinh	Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2 Thành phố Hồ Chí Minh	11	65	64	81,67	292,34	Hết chỉ tiêu
20	Lại Thị Thanh	Hương	01/11/1992	Nữ	Kinh	Minh Hưng -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	65	53	84	286	Hết chỉ tiêu
21	Điểu	Đình	09/12/1986	Nam	M'Nông	Phú Sơn -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	7	62	62	80	284	Hết chỉ tiêu
22	Nguyễn Thị	Tình	12/09/1994	Nữ	Kinh	Phường Long Thủy- TX Phước Long- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng	11	74	92	59	284	Hết chỉ tiêu
23	Đinh Thi	Tâm	27/5/1991	Nữ	Kinh	Minh Hưng -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	70	58	77,83	283,66	Hết chỉ tiêu
24	Vi Văn	Tùng	01/12/1992	Nam	Tày	Tân Bình- TX Đồng Xoài - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ Thái Nguyên	7	58	83	71,33	283,66	Hết chỉ tiêu
25	Lê Thành	An	23/7/1993	Nam	Kinh	Minh Hưng- Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Y tế Bình Phước		62	65	75,66	278,32	Hết chỉ tiêu
26	Ngô Văn	Trúc	07/01/1986	Nam	Kinh	Phong Mỹ- Phong Điền- TT Huế	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y I		71	68	64	267	Hết chỉ tiêu
27	Điểu	Sơn	18/6/1993	Nam	S'Tiêng	Nghĩa Trung -Bù Đăng Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	7	69	82	55,66	262,32	Hết chỉ tiêu
28	Đinh Thị	Nhâm	18/5/1994	Nữ	Kinh	Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2	11	76	80	49	254	Không đạt
29	Lê Thị	Yến	12/06/1993	Nữ	Kinh	Phú Trung - Bù gia Mập- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2	11	75	69	53,33	250,66	Hết chỉ tiêu
30	Nguyễn Văn	Nhật	05/04/1991	Nam	Kinh	TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam		61	75	54,66	245,32	Hết chỉ tiêu
31	Lê Thị	Hoa	02/04/1992	Nữ	Kinh	Đồng Nai -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	61	53	62,33	238,66	Hết chỉ tiêu
32	Trần Thị	Hòa	23/5/7992	Nữ	Kinh	Phước Sơn -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y Hà Nội	11	87	71	40,33	238,66	Không đạt
33	Trần Hữu	Tuấn	06/10/1988	Nam	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng -Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		63	65	55	238	Hết chỉ tiêu
34	Lê Thị Kim	Thoa	01/09/1988	Nữ	Kinh	Thọ Sơn- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ y tế Ninh Bình	11	76	80	40,33	236,66	Không đạt

35	Hồ Minh	Đông	26/2/1981	Nam	Kinh	TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		67	63	52,33	234,66	Hết chỉ tiêu
36	Bùi Vinh	Nhân	22/8/1990	Nam	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		65	68	50	233	Hết chỉ tiêu
37	Nông Thùy	Dung	14/3/1989	Nữ	Tày	Thống Nhất -Bù Đăng Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Cao Bằng	7;11	66	68	48	230	Không đạt
38	Lê Thị	Phương	15/9/1991	Nữ	Kinh	Tiến Thành - TX Đồng Xoài -Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ y tế Ninh Bình	11	74	72	40	226	Không đạt
39	Nguyễn Đình	Trang	23/7/1987	Nam	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		62	60	51,33	224,66	Hết chỉ tiêu
40	Điểu	N'Tôi	14/4/1986	Nam	M'Nông	Phú Sơn -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Kinh tế Kỹ thuật Phương Nam	7	67,8	70	40,33	218,46	Không đạt
41	Nông Thị	Huân	02/01/1988	Nữ	Tày	Đường 10- Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Cao Bằng	11	61	58	49	217	Không đạt
42	Lê Ngọc	Lâm	08/10/1988	Nam	Kinh	Đức Liễu- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		67	67	40,66	215,32	Không đạt
43	Nguyễn Thị	Lệ	17/4/1990	Nữ	Kinh	Lộc Thái -Lộc Ninh - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	66	62	43,66	215,32	Không đạt
44	Phạm Thị Tố	Loan	20//12/1987	Nữ	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Y tế Bình Phước	11	67	68	39,33	213,66	Không đạt
45	Hồ Thị Hoài	Thanh	02/07/1992	Nữ	Kinh	Phước Sơn -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam	11	71	75	33,83	213,66	Không đạt
46	Đặng Văn	Đông	20/12/1993	Nam	Kinh	Quảng Hiệp - Cư Ngạc - Đak Lăk	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng		68	68	37,66	211,32	Không đạt
47	Phạm Thị	Hoa	17/02/1993	Nữ	Kinh	Thanh Lương- TX Bình Long- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	67	65	39,16	210,32	Không đạt
48	Nguyễn Văn	Ngọc	02/06/1992	Nam	Kinh	Bình Thắng -Bù Gia Mập- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		63	60	43,3	209,6	Không đạt
49	Lê Thị Tuyết	Minh	18/9/1993	Nữ	Kinh	Minh Hưng -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	60	67	39,6	206,2	Không đạt
50	Điểu Thị	Liên	10/04/1991	Nữ	Stiêng	Đức Liễu- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Bách khoa Bình Dương	7; 11	67	68	31,33	197,66	Không đạt
51	Đồng Thị Hoài	Thương	03/11/1993	Nữ	Tày	Đường 10- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7; 11	60	63	35,66	194,32	Không đạt
52	Đàm Thế	Danh	21/2/1991	Nam	Nùng	Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Đắk Lắk		78	90	13	194	Không đạt
53	Nguyễn Công Hoàng	Nhật	21/9/1992	Nam	Kinh	Long Phước- Phước Long- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		62	50	38,33	188,66	Không đạt
54	Nguyễn Thị	Thêu	29/3/1990	Nữ	Kinh	Đồng Nai- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	68	75	19,33	181,66	Không đạt
55	Ma Thế	Hiệu	07/11/1991	Nam	Tày	Đắk Nhau- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	7	63	62	25,33	175,66	Không đạt

56	Điểu Thị	Vlem	01/01//1994	Nữ	M'Nông	Đắk Nhau -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân y 2	7; 11	64	55	27	173	Không đạt
57	Nguyễn Văn	Hải	20/6/1990	Nam	Kinh	Minh Hưng -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		61	58	23	165	Không đạt
58	Nguyễn Thị Hồng	Lam	25/7/1985	Nữ	Kinh	Bom Bo- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân Y 2	11	61	70	17	165	Không đạt
59	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/4/1990	Nữ	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	66	63	15,66	160,32	Không đạt
60	Nguyễn Văn	Giang	10/01/1990	Nam	Kinh	Đăng Hà- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		62	55	21,33	159,66	Không đạt
61	Lê Thị Thái	Mỹ	20/4/1992	Nữ	Kinh	TT Đức Phong -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng	11	69	69	10	158	Không đạt
62	Nguyễn Thanh	Tuấn	09/08/1992	Nam	Kinh	An Bình- lạc Thủy- Quảng Bình	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Hòa Bình		62	85	0	147	Không đạt (vắng)
63	Lê Thị	Quyên	05/01/1988	Nữ	Kinh	Tiến Hưng- TX Đồng Xoài- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	73	55	8,33	144,66	Không đạt
64	Hà Sơn	Thành	09/03/1988	Nam	Kinh	Đồng Nai- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân Y 2		63	62	8	141	Không đạt
65	Phạm Thị	Hương	21/9/1993	Nữ	Kinh	Nghĩa Bình -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường CĐ Y tế Thanh Hóa	11	68	69	0	137	Không đạt (vắng)
66	Trần Thị Mai	Xuân	19/3/1990	Nữ	Kinh	Đoàn Kết -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	69	68	0	137	Không đạt (vắng)
67	Điểu Hữu	Phi	14/3/1985	Nam	M"Nông	Sơn Hòa - Thọ Sơn - Bù Đăng	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7	66	68	0	134	Không đạt (vắng)
68	Ngô Văn	Tiến	25/10/1989	Nam	Kinh	Thôn 6 xã Minh Hưng Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng y tế Ninh Bình		66	67	0	133	Không đạt (vắng)
69	Bạch Văn	Hải	25/8/1987	Nam	Kinh	TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		63	67	0	130	Không đạt (vắng)
70	Đàm Thị	Nguyệt	05/12/1993	Nữ	Kinh	Kiến Thành- Kiến Đức Đắk Nông	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	61	60	0	121	Không đạt (vắng)
71	Thạch Trung	Sơn	02/04/1992	Nam	Kinh	Phú Sơn -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước		59	57	0	116	Không đạt (vắng)
72	Lương Văn	Quý	25/10/1992	Nam	Nùng	Bom Bo -Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	7	62	53	0	115	Không đạt

Danh sách này có 72 thi sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 08).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM ĐIỀU DƯỠNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178./QĐ-UBND ngày 03. tháng 02. năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Lương Thị	Hiền	17/10/1993	Nữ	Tày	Thôn 4- Bom Bo- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng Trung học	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7;11	68	70	74	286	Trúng tuyển
2	Thị	Dôi	29/1/1989	Nữ	M' Nông	Thôn 5-Đồng Nai- Bù Đăng- Bình Phước	Điều dưỡng Trung học	TC	Chính quy	Trường TC Quang Trung	7;11	65	64	13	155	Không đạt

Danh sách này có 02 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 01).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỘ SINH-TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nguyễn Thị Thu	Thủy	21/8/1988	Nữ	Kinh	Thôn 2-Đức Liễu- Bù Đăng Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	72	75	98,33	343,66	Trúng tuyển
2	An Thị	Nhân	10/04/1979	Nữ	Kinh	Hòa Đồng-TT Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	5; 11	64	67	92	315	Hết chỉ tiêu
3	Nguyễn Thị	Huệ	19/9/1988	Nữ	Kinh	Thôn 2- Minh Hưng- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	64	58	93,66	309,32	Hết chỉ tiêu
4	Hoàng Thị	Thùy	11/05/1982	Nữ	Tày	Thống Nhất- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7; 11	71	83,3	64,16	282,62	Hết chỉ tiêu
5	Lương Thị Mỹ	Loan	05/04/1991	Nữ	Kinh	Đức Hòa-TT Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	64	67	44,66	220,32	Không đạt
6	Nguyễn Thị	Tình	24/5/1992	Nữ	Kinh	Đức Hòa-TT Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	66	62	45,66	219,32	Không đạt

Danh sách này có 06 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 01).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D HUYỆN BÙ ĐĂNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỘ SINH - TT DS KHHGĐ HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 178../QĐ-UBND ngày 03..tháng 02..năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Tạ Thị Khánh	Dương	06/05/1993	Nữ	Kinh	TT Đức phong- Bù Đăng- Bình Phước	Hộ sinh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương	11	73,3	65	66,33	270,96	Trúng tuyển

Danh sách này có 01 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 01)

CHỦ TỊCH

U.B.N.D HUYỆN BÙ ĐĂNG T. BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Chính Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM Y SỸ- TT DS KHHGĐ HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (TBC kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Trần Đức	Trung	15/5/1991	Nam	Kinh	Đức Thiện-TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Ninh Bình		76	90	96,33	358,66	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị	Oanh	05/11/1990	Nữ	Kinh	Đức Thiện-TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	73	78	99,33	349,66	Trúng tuyển
3	Dương Nữ Tiến	An	20/10/1991	Nữ	Kinh	Thôn 4-Đăng Hà- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	62	65	95,33	317,66	Hết chỉ tiêu
4	Nguyễn Thị	Nàng	18/6/1993	Nữ	Kinh	Thôn Bình Thọ-Nghĩa Bình- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Quân Y 1	11	72	68	61,66	263,32	Hết chỉ tiêu
5	Đinh Văn	Quan	04/11/1991	Nam	Kinh	Đức Hòa-TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		61	62	55,66	234,32	Hết chỉ tiêu
6	Phạm Văn	Nghĩa	15/7/1990	Nam	Kinh	Thôn 5- Đoàn Kết- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		66	60	47,66	221,32	Không đạt
7	Nguyễn Thị Kim	Thu	16/4/1989	Nữ	Kinh	Đức Lập-TT Đức Phong- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	70	60	18,33	166,66	Không đạt
8	Lâm Tiến	Dũng	24/6/1987	Nam	Nùng	Thôn 4-Bình Minh- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	7	64	63	15,66	158,32	Không đạt
9	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	15/12/1991	Nữ	Kinh	Thôn 1- Đường 10- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước	11	72	70	0	142	Không đạt (vắng)
10	Lê Thị Hồng	Ca	31/5/1993	Nữ	Kinh	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC Y tế Bình Phước	11	62	57	5,66	130,32	Không đạt
11	Trần Bá	Công	18/9/1992	Nam	Kinh	Thôn 4-Đăng Hà- Bù Đăng- Bình Phước	Y sỹ	TC	Chính quy	Trường TC y tế Bình Phước		62	62	0	124	Không đạt

Danh sách này có 11 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 02)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Đàm Thị	Xem	09/08/1994	Nữ	Tày	Phước Cát I-Cát Tiên-Lâm Đồng	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Cao Bằng	7,11	74	85	100	359	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Thu	Lương	05/06/1984	Nữ	Kinh	Lộc Quang-Lộc Ninh-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường TC Kinh tế-Công nghệ Đông Nam	11	80	80	99,33	358,66	Trúng tuyển
3	Mai Thị	Huyền	15/04/1988	Nữ	Kinh	Thôn 6 - Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	77	82	97,66	354,32	Trúng tuyển
4	Thị	Lê	15/12/1992	Nữ	S'tiêng	Sơn Lang-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	68,7	85	99,33	352,36	Trúng tuyển
5	Bùi Thị	Thoa	13/06/1990	Nữ	Kinh	Thôn 3-Minh Hưng-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	82	97	348	Trúng tuyển
6	Điểu Thị Hồng	Lắm	19/6/1989	Nữ	M'Nông	Đăng Lang-Đak Nhau-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	76	83	94,33	347,66	Trúng tuyển
7	Dương Thị	Loan	15/01/1991	Nữ	Kinh	Sơn Thuỷ-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	70,1	80	98	346,1	Trúng tuyển
8	Trần Thị Thanh	Thảo	07/03/1993	Nữ	Kinh	Sơn Hiệp-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	70,52	78	98,66	345,84	Trúng tuyển
9	Phạm Thu	Trang	08/08/1992	Nữ	Kinh	Thôn 4-Đăng Hà -Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Sài gòn	11	74,6	74,6	97	343,2	Trúng tuyển
10	Phạm Thị	Hương	20/01/1984	Nữ	Kinh	Thôn 2-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	87	90,5	343	Trúng tuyển
11	Vi Thị	Huyến	14/12/1992	Nữ	H'mông	Thôn 6-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72	77	97	343	Trúng tuyển
12	Hoàng Thị Tô	Hiệu	11/11/1991	Nữ	Tày	Tà Lài-Tân Phú- tỉnh Đồng nai	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường Đại học Đồng Nai	7,11	71	77	97,33	342,66	Trúng tuyển
13	Nông Thị	Thắm	07/06/1993	Nữ	Tày	Thôn 2-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72	78	96,33	342,66	Trúng tuyển
14	Tô Thị	Kiều	17/06/1992	Nữ	Hoa	Thôn 5-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72,2	72,2	99	342,4	Trúng tuyển
15	Đỗ Thị	Thoa	04/10/1987	Nữ	Kinh	Sơn Lợi-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	73	100	342	Trúng tuyển
16	Trần Diệu	Linh	22/08/1989	Nữ	Kinh	Đức Lợi-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69,91	75	98	340,91	Trúng tuyển
17	Võ Thị Thuỷ	Tiên	16/12/1992	Nữ	Kinh	Thôn 12-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bà rịa - Vũng Tàu	11	73	68,3	99,66	340,62	Trúng tuyển
18	Hoàng Thị	Huyến	28/02/1991	Nữ	Tày	Thôn 5-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	71	70	99,66	340,32	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
19	Nguyễn Thị Diễm	Thu	05/4/1990	Nữ	Kinh	Tân Hưng-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	74,7	74,7	95	339,4	Trúng tuyển
20	Nguyễn Thị	Thanh	11/10/1993	Nữ	Kinh	Đức Lợi-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,86	70	99,66	338,18	Trúng tuyển
21	Kim Thị	Huệ	25/02/1991	Nữ	Kinh	Thôn 6-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	71	98	338	Trúng tuyển
22	Trần Thị Xuân	Trúc	06/08/1993	Nữ	Kinh	Thôn 1-Nghĩa Trung-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	82	90	338	Trúng tuyển
23	Lê Thị	Yến	22/10/1991	Nữ	Kinh	Sơn Lợi-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,5	68,5	100	337	Trúng tuyển
24	Đặng Thị Hồng	Linh	15/05/1992	Nữ	Kinh	Bình Tân-Phước Long-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	83	90,33	336,66	Trúng tuyển
25	Hà Thị	Yến	15/10/1992	Nữ	Tày	Thôn 6-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	75	70	95	335	Trúng tuyển
26	Nguyễn Thị	Hoài	15/07/1990	Nữ	Kinh	Tân Tiến - Bù Đốp - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	11	68	68	99,33	334,66	Trúng tuyển
27	Mai Thị Anh	Thơm	15/03/1985	Nữ	Kinh	Hoà Đồng-Đức Phong-Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	78	90,66	334,32	Trúng tuyển
28	Vũ Thị	Thanh	13/04/1993	Nữ	Kinh	Tân Hưng-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	71	78	92,33	333,66	Trúng tuyển
29	Mai Thị Thanh	Hoa	01/10/2014	Nữ	Tày	Thôn 1-Đường 10 -Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Gia Lai	7,11	80	75	88,66	332,32	Trúng tuyển
30	Nông Thị Dương	Tuế	24/10/1993	Nữ	Tày	Chu Hương-Ba Bể-Bắc Kạn	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn	7,11	79	83	85	332	Trúng tuyển
31	Phan Thị Thanh	Tuyền	03/01/1992	Nữ	Tày	Thôn 7-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	77	77	89	332	Trúng tuyển
32	Nguyễn Thị	Thành	06/08/1992	Nữ	Kinh	Sơn Phú-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,1	67,1	98,33	330,86	Trúng tuyển
33	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	31/05/1991	Nữ	Kinh	Đức Lập - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Đại học Sài gòn	11	73	67	95	330	Trúng tuyển
34	Lê Thị	Quỳnh	30/06/1991	Nữ	Kinh	Thôn Thống nhất-Đak Nhau-Bù Đăng- Bình Phước (Sổ Tạm Trú)	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Quảng Ninh	11	67	71,6	95	328,6	Trúng tuyển
35	Lương Thị	Bách	06/10/1990	Nữ	Nùng	Thôn 5- Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Trung ương	7,11	69	63	97,7	327,4	Trúng tuyển
36	Dương Thị Thu	Hiền	02/03/1992	Nữ	Kinh	Thôn 1-Minh Hưng-Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	72	89,66	327,32	Trúng tuyển
37	Lương Thị	Thêm	08/02/1993	Nữ	Tày	Thôn 6-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73,62	77	88	326,62	Trúng tuyển
38	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/12/1992	Nữ	Kinh	Sơn Phú-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	66,5	66,5	96,66	326,32	Trúng tuyển
39	Hoàng Thị	Mơ	18/07/1989	Nữ	Tày	Thôn 4-Đăng Hà -Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường cao đẳng sư phạm Trung Ương	7,11	76	80	85	326	Trúng tuyển
40	Triệu Thị	Nụ	27/02/1985	Nữ	Tày	Thôn 6-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	74	68	91	324	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
41	Trương Thanh	Hương	17/07/1993	Nữ	Kinh	Thôn 1-Đường 10-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐ Hải Dương	11	76	77	85,33	323,66	Trúng tuyển
42	Phạm Thị Quỳnh	Nga	15/03/1993	Nữ	Kinh	Tân Hưng-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	5,11	71	65	93,66	323,32	Trúng tuyển
43	Lê Thị	Liên	19/04/1994	Nữ	Kinh	Đức Lập-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	68	92	323	Trúng tuyển
44	Lê Thị Hoa	Huệ	04/01/1980	Nữ	Kinh	Đức Lập-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	66,07	58	98,16	320,39	Trúng tuyển
45	Lưu Thị	Son	22/01/1991	Nữ	Tày	Thôn 4-Thống Nhất Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP trung ương-Nha Trang	7,11	63	67	94,33	318,66	Trúng tuyển
46	Huỳnh Thị Bích	Hậu	12/08/1990	Nữ	Kinh	Thôn 4-Minh Hưng-Bù Đăng Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	73,8	73,8	84,66	316,92	Trúng tuyển
47	Giáp Thị	Hồng	09/04/1990	Nữ	Kinh	Sơn Lập-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Tổng hợp Hà Nội	11	78	66,66	86	316,66	Trúng tuyển
48	Nguyễn Thị	Nhung	14/12/1983	Nữ	Kinh	Đức Lập-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	6,11	73	77	83,33	316,66	Trúng tuyển
49	Hoàng Thị	Hân	01/12/1988	Nữ	Tày	Thôn 2-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	80,64	88	73,33	315,3	Trúng tuyển
50	Nguyễn Thị	Hồng	21/02/1992	Nữ	Kinh	Đắc Lua-Tân Phú-Tỉnh Đồng Nai	SP Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Đồng Nai	11	68,84	68,84	88,33	314,34	Trúng tuyển
51	Phạm Thị	Lợi	09/12/1986	Nữ	Kinh	Thôn 3-Đoàn Kết-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	78	79,66	312,32	Trúng tuyển
52	Lê Thị Kiều	Mi	08/2/1992	Nữ	Kinh	Thôn 4-Đoàn Kết-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,1	75	85	312,1	Trúng tuyển
53	Nguyễn Thị	Ngoan	02/11/1986	Nữ	Kinh	Đức Lập - Đức Phong-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	73	82	312	Trúng tuyển
54	Nguyễn Thị	Thương	09/04/1991	Nữ	Kinh	Hoà Đồng-Đức Phong-Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	70	70	86	312	Trúng tuyển
55	Nông Thị	Đuổng	19/05/1989	Nữ	Nùng	Thôn 3 - Đ ường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	7,11	69	69	86,66	311,32	Trúng tuyển
56	Đinh Thị	Cành	12/07/1991	Nữ	Tày	Đông Ri - Ngọc Côn - Trùng Khánh - Cao Bằng	Sư phạm giáo dục mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	70	77	82	311	Trúng tuyển
57	Nông Thị	Hoài	14/05/1992	Nữ	Tày	Thôn 4-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73	70	83,33	309,66	Trúng tuyển
58	Nguyễn Thị	Nhung	10/06/1994	Nữ	Kinh	Thôn 3-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	72	83,33	309,66	Trúng tuyển
59	Điểu Thị Bích	Giang	12/11/1991	Nữ	S'tiêng	Đức Lợi-Đức Phong-Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72,6	68	83,33	307,26	Trúng tuyển
60	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	13/03/1993	Nữ	Kinh	Thôn 2-Minh Hưng-Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	75	77	305	Trúng tuyển
61	Đàm Thị	Phương	04/05/1993	Nữ	Tày	Thôn 5-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	71	67	82,66	303,32	Trúng tuyển
62	Nông Thị	Hợi	23/04/1989	Nữ	Tày	Thôn 3-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư Phạm Cao Bằng	7,11	72	70	80,33	302,66	Trúng tuyển
63	Trần Thị	Hiếu	27/01/1993	Nữ	Kinh	Thôn 2-Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	74	80	74	302	Trúng tuyển
64	Lý Thị	Huyền	10/11/1988	Nữ	Tày	Thống nhất-Đak Nhau-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72	80	74,66	301,32	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
65	Đỗ Thị Tuyết	Chinh	11/10/1989	Nữ	Kinh	Thôn 3-Nghĩa Trung-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	75	77	74	300	Trúng tuyển
66	Hoàng Thị	Dung	29/09/1992	Nữ	Kinh	Thôn 4-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	72	76,33	297,66	Trúng tuyển
67	Nguyễn Thị	Thuý	01/09/1994	Nữ	Kinh	Tân Hưng-Đức Phong-Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72,19	68	78,33	296,85	Trúng tuyển
68	Nguyễn Thị Phương	Anh	01/08/1994	Nữ	Kinh	Thôn 4-Phước sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường TC Quảng Đông	11	74	82	69,33	294,66	Trúng tuyển
69	Nguyễn Thị	Ngân	03/06/1993	Nữ	Kinh	xã Cư E Lang-huyện Eakar-tỉnh Đăk Lắk	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Trung ương	11	74	73	73,66	294,32	Trúng tuyển
70	Trần Thị	Tuyết	01/09/1992	Nữ	Kinh	Thôn 3-Bình Minh - Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường TC-CN Đông Nam	11	79	81,66	66	292,66	Trúng tuyển
71	Đàm Thị	Huyền	13/05/1993	Nữ	Tày	Thôn 2-Bình Minh-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	69,76	70	75,66	291,08	Trúng tuyển
72	Đàm Thị	La	17/10/1992	Nữ	Hoa	Thôn 6-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73	68	75	291	Trúng tuyển
73	Lưu Thị	Đông	30/11/1987	Nữ	Kinh	Thôn 2-Nghĩa Trung-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	75	69,7	287,4	Trúng tuyển
74	Nông Thị	Lý	20/03/1991	Nữ	Nùng	Thôn 2-Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	68,6	68,6	74	285,2	Trúng tuyển
75	Hồ Thị	Thi	05/06/1994	Nữ	Kinh	Thôn 3-Phước Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	75,07	77	63	278,07	Trúng tuyển
76	Nguyễn Thị	Hoa	16/12/1992	Nữ	Kinh	Thôn 6-Nghĩa Trung-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	75	65	278	Trúng tuyển
77	Lê Thị	Thuyền	02/4/1993	Nữ	Kinh	Đức Hoà-Đức Phong-Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72	63	71	277	Trúng tuyển
78	Nguyễn Thị	Bé	28/09/1993	Nữ	Kinh	Thôn 6-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	65,8	70	70	275,8	Trúng tuyển
79	Nguyễn Thị Kim	Thành	20/5/1994	Nữ	Kinh	Thôn 2-Minh Hưng-Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	70	73	66,33	275,66	Trúng tuyển
80	Chu Thị	Yến	13/12/1989	Nữ	Tày	Thôn 4 - Đăng Hà -Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Cao Bằng	7,11	73	82	60	275	Trúng tuyển
81	Nguyễn Thị	Loan	06/11/1990	Nữ	Kinh	Đức Thọ-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	70	66,66	274,32	Trúng tuyển
82	Nông Thị	Duyên	05/02/1993	Nữ	Nùng	Phước Tân-Bù Gia Mập-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	69	70	67,33	273,66	Trúng tuyển
83	Hoàng Thị Thu	Nga	20/01/1993	Nữ	Kinh	Đak Xuyên-Đak Nhau-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	78	59,33	272,66	Trúng tuyển
84	Lương Thị	Nhâm	25/11/1992	Nữ	Tày	Thôn 4-Đường 10-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Cao Bằng	7,11	71,6	73	63,33	271,26	Trúng tuyển
85	Bùi Thị Ngọc	Hân	05/9/1987	Nữ	Kinh	Thôn 6-Đức Liễu-Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường Đại học Đồng Nai	11	66,3	70	66	268,3	Trúng tuyển
86	Phạm Thị	Bình	31/10/1986	Nữ	Kinh	Sơn Lập-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường Đại học Đồng Nai	11	70	72	62,3	266,6	Trúng tuyển
87	Triệu Thị	Xuân	16/01/1992	Nữ	Nùng	Thôn 2-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Cao Bằng	7,11	73	73	60	266	Trúng tuyển
88	Hoàng Thị	Nhật	01/10/1992	Nữ	Tày	Thôn 1-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	65,51	70	65	265,51	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
89	Hoàng Thị	Phương	08/09/1989	Nữ	Nùng	Lộc Quang-Lộc Ninh-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư Phạm Cao Bằng	7,11	74	80	55,56	265,12	Trúng tuyển
90	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/07/1994	Nữ	Kinh	Đak Xuyên-Đak Nhau-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Nghệ An	11	68	77	60	265	Trúng tuyển
91	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	12/01/1991	Nữ	Kinh	Thôn 3-Đoàn Kết-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	64,8	64,8	66,66	262,92	Hết chỉ tiêu
92	Nguyễn Thị	Quý	15/6/1993	Nữ	Kinh	Thôn 1-Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	6,11	75	75	56,33	262,66	Hết chỉ tiêu
93	Nông Thị	Như	21/03/1994	Nữ	Tày	Thôn 5-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	75	72	57,66	262,32	Hết chỉ tiêu
94	Nông Thị	Yến	12/02/1994	Nữ	Nùng	Thôn 5-Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73,4	78	54,66	260,72	Hết chỉ tiêu
95	Võ Thị Thuỳ	Dung	12/09/1992	Nữ	Kinh	Phú Sơn - Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,9	67,9	62,33	260,46	Hết chỉ tiêu
96	Nguyễn Thị	Loan	02/02/1993	Nữ	Kinh	Sơn Lang-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,8	65	63,33	260,46	Hết chỉ tiêu
97	Nguyễn Thị Thu	Diễm	16/02/1993	Nữ	Kinh	Thôn 6-Nghĩa Trung-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,42	65	63,66	259,74	Hết chỉ tiêu
98	Huỳnh Thị Huyền	Trang	27/07/1993	Nữ	Kinh	Thôn 4-Minh Hưng-Bù Đăng Bình Phước	SP Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,42	80	56	259,42	Hết chỉ tiêu
99	Lê Thị Mỹ	Trinh	19/08/1994	Nữ	Kinh	Sơn Lợi-Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường TC Tổng hợp Hà Nội	11	79	58,33	60,33	257,99	Hết chỉ tiêu
100	Trần Thị	Hằng	20/11/1990	Nữ	Kinh	Thôn 3-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng SP Hà Nội	11	74	78	52,3	256,6	Hết chỉ tiêu
101	Trần Thị	Thuỳ	25/04/1993	Nữ	Kinh	Đức Thiện-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	79,75	78,5	48,33	254,91	Không đạt
102	Vũ Thị	Thanh	25/05/1985	Nữ	Kinh	Thôn 1-Phước Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	62	60,33	253,66	Hết chỉ tiêu
103	Ngọc Thị	Xanh	16/11/1991	Nữ	Tày	Thôn 3-Đăng Hà -Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Cao Bằng	7,11	69	75	52	248	Hết chỉ tiêu
104	Nguyễn Thị	Mận	09/08/1994	Nữ	Kinh	Sơn Quý-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Nghệ An	11	62	57	64	247	Hết chỉ tiêu
105	Chu Thị Thuý	Nga	02/11/1988	Nữ	Kinh	Thôn 1-Minh Hưng-Bù Đăng - Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	76	65	52,33	245,66	Hết chỉ tiêu
106	Lý Thị	Bình	10/10/1989	Nữ	Nùng	Thôn 7-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	75	65	51,66	243,32	Hết chỉ tiêu
107	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/05/1993	Nữ	Kinh	Sơn Phú-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69,9	80	46	241,9	Không đạt
108	Trương Thị	Hiếu	20/09/1988	Nữ	Kinh	Thôn 4-Đường 10-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐ Hải Dương	11	78	73	43,3	237,6	Không đạt
109	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	28/04/1993	Nữ	Kinh	Tân Hưng-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68	65	51	235	Hết chỉ tiêu
110	Bùi Thị Thuỳ	Trang	02/04/1994	Nữ	Kinh	Thôn 1-Đoàn Kết-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	71	63	50	234	Hết chỉ tiêu
111	Trần Thị Lệ	Thu	14/01/1982	Nữ	Kinh	Sơn Phú-Phú Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường Đại học Phú Yên	11	77,5	70	37	221,5	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
112	Đặng Thị	Minh	03/07/1991	Nữ	Kinh	Đồng Tâm-Đồng Phú-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	11	72	73,33	37,66	220,65	Không đạt
113	Phí Thị Ánh	Nguyệt	14/02/1990	Nữ	Kinh	Đức Hoà-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,66	70	39	215,66	Không đạt
114	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	20/06/1992	Nữ	Tày	Thôn 1- Đường 10-Bù Đăng-Bình Phước	SP Giáo dục Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	68,46	68,33	38	212,79	Không đạt
115	Nông Thị	Oanh	09/05/1984	Nữ	Tày	Thôn 11-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	VLVH	Trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn	7,11	79	90	18	205	Không đạt
116	Cao Thị Hoài	Thu	16/02/1990	Nữ	Kinh	Ealê - Easúp- tỉnh Đắk Lắk	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường Đại học Trà Vinh	11	73,24	71,66	29,33	203,56	Không đạt
117	Lê Thị Quế	Anh	20/11/1993	Nữ	Kinh	Đức Thọ-Đức Phong-Bù Đăng- Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,63	65	34,7	203,03	Không đạt
118	Nông Thị	Bài	27/09/1989	Nữ	Nùng	Thôn 2-Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73	63	28,8	193,6	Không đạt
119	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/05/1981	Nữ	Kinh	Thôn 5-Phước Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Giáo dục Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	11	63	63	30	186	Không đạt
120	Nông Thị	Hiến	09/10/1993	Nữ	Tày	Phú Lộc-Ba Bể-tỉnh Bắc Kạn	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn	7,11	77	83	10,3	180,6	Không đạt
121	Nguyễn Thị	Tươi	15/07/1944	Nữ	Kinh	Thôn 7-Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	64	57	29	179	Không đạt
122	Dương Thị	Như	14/10/1993	Nữ	Tày	Thôn 11-Thống Nhất-Bù Đăng- Bình Phước	SP Mầm non	TC	VLVH	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73	68	18	177	Không đạt
123	Nguyễn Thị	Hạnh	26/06/1986	Nữ	Kinh	Thôn 1-Đường 10-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Tổng hợp Hà Nội	11	69	73,33	16,66	175,65	Không đạt
124	Bùi Thị Lệ	Oanh	20/06/1991	Nữ	Kinh	Bình Thuận - Buôn Hồ - Đắk Lắk	Sư phạm mầm non	TC	Chính quy	Trường TC Sư phạm Đắk Lắk	11	81	77	0	158	Không đạt (Vắng)
125	Dương Ngọc	Hân	13/11/1992	Nữ	Kinh	Thôn 2-Đức Liễu-Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Mầm non	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	77	77	0	154	Không đạt (Vắng)
126	Triệu Thị	Lý	17/12/1991	Nữ	Tày	Thôn 4-Đường 10-Bù Đăng-Bình Phước	SP Mầm non	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	68	73	3	147	Không đạt

Danh sách này có 126 thí sinh (chi tiêu tuyển dụng 90).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIỂU HỌC (GIÁO DỤC TIỂU HỌC)

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Hà Thị	Ngân	24/02/1994	Nữ	Nùng	Thôn 6 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	85	92	100	377	Trúng tuyển
2	Bùi Thị	Loan	19/02/1992	Nữ	Kinh	Thôn Sơn Tùng - Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	82	87	99,83	368,66	Trúng tuyển
3	Mã Thị	Gấm	07/06/1993	Nữ	Tày	Thôn 4 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Kạn	7,11	81	87	98,33	364,66	Trúng tuyển
4	Nông Thị	Tuyến	29/11/1991	Nữ	Tày	Thôn 5 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	77	88	99,66	364,32	Trúng tuyển
5	Cao Thị	Duyên	16/01/1990	Nữ	Sách (Chứt)	Khu phố Phú Xuân - Tân Phú - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	7,11	80	83	100	363	Trúng tuyển
6	Cao Thị Thu	Hoài	04/09/1991	Nữ	Sách (Chứt)	Khu phố Phú Xuân - Tân Phú - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	7,11	81	80	100	361	Trúng tuyển
7	Vũ Thị	Lan	05/08/1985	Nữ	Kinh	C1 Trung đoàn 720, Đăk Ngo - Tuy Đức - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hưng Yên	11	77,5	85	98,33	359,16	Trúng tuyển
8	Chu Thị	Yến	29/08/1991	Nữ	Nùng	Thôn Sơn Thân - Eapô - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	82,2	82,2	97,33	359,06	Trúng tuyển
9	Đặng Thị	Nga	26/07/1989	Nữ	Dao	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	75	85	99,33	358,66	Trúng tuyển
10	Phan Thị Thúy	Liên	29/07/1993	Nữ	Kinh	Thôn Bù Ghe - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Sài Gòn	11	78,9	78,9	100	357,8	Trúng tuyển
11	Lương Thị	Hậu	10/01/1994	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Quảng Tín - Đăk Rlấp - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Đông Nam	11	74	87	98,33	357,66	Trúng tuyển
12	Lường Thị	Tấm	28/11/1992	Nữ	Tày	Thôn Đăk Uy - ĐăK Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	79	87	93,66	353,32	Trúng tuyển
13	Hoàng Thị	Lan	04/05/1984	Nữ	Tày	Thôn 4 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	76,7	83,3	95,66	351,32	Trúng tuyển
14	Nông Thị	Tuyết	19/03/1989	Nữ	Tày	Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	80	88	91,66	351,32	Trúng tuyển
15	Quách Thị	Gấm	20/10/1990	Nữ	Mường	Thôn 5 - Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	75,27	93,84	91	351,11	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
16	Gia Thị	Mây	03/10/1988	Nữ	Tày	Thôn 3 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	81,4	83,3	93	350,7	Trúng tuyển
17	Nguyễn Thị	Mơ	06/05/1990	Nữ	Kinh	Đức Lợi - Đức Phong- Bù Đăng Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Bắc	11	74,6	74,6	99,5	348,2	Trúng tuyển
18	La Thị Thu	Trang	30/11/1989	Nữ	Nùng	Thôn 5 - Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học (hệ 12+2)	TC	Chính quy	Trường ĐH Thủ Dầu Một	7,11	79	79	94,66	347,32	Trúng tuyển
19	Nguyễn Thị	Lộc	12/11/1992	Nữ	Kinh	Khu Đức Thiện - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,73	80	99,17	347,07	Trúng tuyển
20	Hồ Thị	Lục	12/10/1987	Nữ	Hoa	Thôn 8 - Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	70,86	80	98	346,86	Trúng tuyển
21	Hoàng Thúy	Vân	03/06/1992	Nữ	Tày	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Sài Gòn	7,11	75,2	75,2	98	346,4	Trúng tuyển
22	Nông Thị	Bóm	14/09/1989	Nữ	Tày	Thôn 4 - Bình Minh- Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	70	80	98	346	Trúng tuyển
23	Nông Bảo	Ngọc	10/05/1986	Nam	Nùng	Ban U2 - TT. Eatling - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7	73,7	73,7	99	345,4	Trúng tuyển
24	Nguyễn Thị Thanh	Trang	04/11/1991	Nữ	Kinh	Thôn 1 - Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69,87	80	97,66	345,19	Trúng tuyển
25	Nguyễn Thị Phương	Thanh	25/03/1987	Nữ	Kinh	Thôn 13 - Eatiêu - Cư Kuin - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	11	76,07	67,14	100	343,21	Trúng tuyển
26	Nông Thị	Linh	09/04/1989	Nữ	Tày	Thôn 4 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	7,11	71,5	71,5	99,83	342,66	Trúng tuyển
27	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	20/12/1993	Nữ	Kinh	Khu Đức Lập - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72,34	80	95	342,34	Trúng tuyển
28	Nông Thị	Tuyết	12/01/1990	Nữ	Tày	Thôn 3 - Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	67,13	75	100	342,13	Trúng tuyển
29	Nguyễn Thị	Linh	19/10/1992	Nữ	Tày	Thôn 1 - Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	66,75	75	99,67	341,09	Trúng tuyển
30	Nguyễn Công Minh	Đức	01/06/1986	Nam	Kinh	Thôn 7 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương		83	87	85,46	340,92	Trúng tuyển
31	Lê	Tiến	08/01/1991	Nam	Thổ	Đăk Lao - Đăk Mil - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7	77,9	77,9	92,33	340,46	Trúng tuyển
32	Đào Việt	Cường	07/04/1993		Kinh	Bình Thắng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên		70,69	75	97,33	340,35	Trúng tuyển
33	Ngô Thị	Hằng	10/03/1991	Nữ	Kinh	Xã Bình Thắng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP KonTum	11	74	75	95,66	340,32	Trúng tuyển
34	Lê Thanh	Văn	11/08/1989	Nữ	Kinh	Khu Hòa Đồng - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69,9	70	99,66	339,22	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
35	Hoàng Văn	Ân	30/11/1989	Nam	Tày	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7	72	67	100	339	Trúng tuyển
36	Tô Thị	Vân	09/01/1990	Nữ	Sán Dìu	Thôn 6 - Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	68,28	70	100	338,28	Trúng tuyển
37	Hoàng Thị	Nhung	04/01/1993	Nữ	Nùng	Ấp Thuận Hòa 2 - Thuận Lợi - Đồng Phú - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	72,34	80	92,66	337,66	Trúng tuyển
38	Lê Thị Hải	Yến	22/03/1993	Nữ	Kinh	Hiệp Đạt - Quảng Hiệp - Cư Mgar - Đăk Lăk	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	81	70	93,33	337,66	Trúng tuyển
39	Lê Thị	Hòa	29/09/1991	Nữ	Kinh	Thôn 3 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Tây Nguyên	11	82,5	82,5	86	337	Trúng tuyển
40	Lý Thị Mỹ	Hạnh	02/01/1993	Nữ	Nùng	Thôn 2 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Thủ Dầu Một	7,11	68,2	68,2	98	332,4	Trúng tuyển
41	Hoàng Thị	Tuyết	25/10/1992	Nữ	Kinh	Thôn 6A - Bình Thắng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11	75,4	75,4	90	330,8	Trúng tuyển
42	Hoàng Thị	Mơ	27/08/1993	Nữ	Kinh	Hùng Tiến - Nam Đàn - Nghệ An	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Nghệ An	11	70	70	94,67	329,34	Trúng tuyển
43	Nguyễn Thị	Anh	30/01/1988	Nữ	Kinh	Thôn 3 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	67,07	80	91	329,07	Hết chỉ tiêu
44	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	02/09/1991	Nữ	Kinh	Khu phố Xuân Lộc - Tân Xuân - Đồng Xoài - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	11	72,75	72,75	91,66	328,82	Hết chỉ tiêu
45	Hoàng Văn	Học	28/09/1990	Nam	Tày	Đăk Wi - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	70	77	90,66	328,32	Hết chỉ tiêu
46	Võ Thị Hồng	Trinh	20/11/1991	Nữ	Kinh	Thôn 3 - Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	71,46	80	88,33	328,12	Hết chỉ tiêu
47	Hoàng Ngọc	Tình	23/12/1989	Nam	Tày	Thôn 4 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	81	83	82	328	Hết chỉ tiêu
48	Vũ Thị Vân	Anh	24/08/1990	Nữ	Kinh	Thôn 8 - Eakpam - Cư Mgar - Đăk Lăk	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	75	77	87	326	Hết chỉ tiêu
49	Nông Thị	Nhau	30/10/1993	Nữ	Nùng	Thôn 1 - Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	68,54	70	93,66	325,86	Hết chỉ tiêu
50	Nguyễn Thị	Thanh	12/01/1991	Nữ	Tày	Thôn 9 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Sài Gòn	7,11	72,9	72,9	90	325,8	Hết chỉ tiêu
51	Hoàng Thị	Khanh	23/08/1986	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Thiện Hưng - Bù Đốp - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương	11	77,07	83,8	82	324,87	Hết chỉ tiêu
52	Phan Thị Ánh	Liên	05/10/1989	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hùng Vương	11	75	83	82,67	323,34	Hết chỉ tiêu
53	Đàm Trọng	Lịch	09/10/1992	Nam	Tày	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7	71	72	89,33	321,66	Hết chỉ tiêu
54	Lường Thị	Lan	25/10/1988	Nữ	Tày	Thôn 4 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	65	65	95,66	321,32	Hết chỉ tiêu
55	Chu Văn	Vũ	23/11/1989	Nam	Nùng	Thôn 2 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Đắk Lăk	7	65,5	65,5	95	321	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
56	Nguyễn Thị	Hằng	02/04/1993	Nữ	Kinh	Đăk Wi - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	11	78	90	75,66	319,32	Hết chỉ tiêu
57	Bế Thị	Lệ	05/09/1991	Nữ	Tày	Thôn 9 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	80	85	76,33	317,66	Hết chỉ tiêu
58	Lại Thị	Nguyệt	05/07/1991	Nữ	Kinh	Khu phố 1 - TT. Chơn Thành - Chơn Thành - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	65	52	100	317	Hết chỉ tiêu
59	Lương Thị Hương	Lan	26/05/1989	Nữ	Tày	Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	7,11	68	86	81	316	Hết chỉ tiêu
60	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/08/1989	Nữ	Tày	Số nhà 78 - Đăk cao - Đăk Sor - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	83,5	83,5	74,33	315,66	Hết chỉ tiêu
61	Hoàng Thị	Ngoan	15/03/1989	Nữ	Nùng	Tiến Thành - Đồng Xoài - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Quy Nhơn	7,11	68,7	68,7	89	315,4	Hết chỉ tiêu
62	Lục Sỹ	Chức	01/01/1991		Nùng	Thôn 4 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương	7	77,2	80	79	315,2	Hết chỉ tiêu
63	Nguyễn Thị	Hải	02/09/1991	Nữ	Kinh	Khu Đức Lập - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	11	74	81	80	315	Hết chỉ tiêu
64	Nông Thị	Tiên	29/06/1987	Nữ	Tày	Đăk Liên - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	7,11	79	77	79,33	314,66	Hết chỉ tiêu
65	Hồ Ngọc	Nam	20/10/1984	Nam	Kinh	Thôn 6 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học 12+2	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước		64,7	53,3	98,17	314,34	Hết chỉ tiêu
66	Lưu Thị	Bắc	01/07/1989	Nữ	Kinh	Thôn 5 - Bình Hòa - Krông Ana - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	11	74	76	81	312	Hết chỉ tiêu
67	Nguyễn Văn	Minh	07/01/1991	Nam	Tày	Thôn Bù Ghe - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7	73	82	77,33	309,66	Hết chỉ tiêu
68	Bùi Thị	Hương	20/02/1989	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dụcTiểu học	ĐH	Chính quy - Liên thông	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	11	74,48	70	82,33	309,14	Hết chỉ tiêu
69	Trần Thị	Hạnh	15/02/1990	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	11	71	68	84,66	308,32	Hết chỉ tiêu
70	Lại Thị	Phượng	16/12/1992	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,66	65	85	303,66	Hết chỉ tiêu
71	Hoàng Thị	An	02/09/1990	Nữ	Tày	Thôn 4 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương	7,11	80,6	76,7	73	303,3	Hết chỉ tiêu
72	Đinh Thị	Nhật	10/05/1990	Nữ	Tày	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	7,11	72,5	70	80,33	303,16	Hết chỉ tiêu
73	Nguyễn Thị	Thương	10/05/1990	Nữ	Kinh	Thôn 5 - Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	11	68	68	83,33	302,66	Hết chỉ tiêu
74	Phạm Thị	Nhung	21/07/1991	Nữ	Tày	Thôn Đăng Lang - ĐăK Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP Hà Nội 2	7,11	75,4	75,4	75,66	302,12	Hết chỉ tiêu
75	Lý Thị	Sớm	14/10/1992	Nữ	Tày	Thôn 4 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	75	77	74,66	301,32	Hết chỉ tiêu
76	Nguyễn Thị	Xuân	03/05/1990	Nữ	Tày	Hiệp Đạt - Quảng Hiệp - Cư M'gar - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	73,3	73,3	77,33	301,26	Hết chỉ tiêu
77	Phạm Thị Thu	Hạnh	12/08/1992	Nữ	Kinh	03 Mai Hắc Đế - Quảng Phú - Cư Mgar - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP, ĐH Đà Nẵng	11	72	72	78	300	Hết chỉ tiêu
78	Dương Văn	Hải	08/12/1993		Kinh	Thôn 7 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam		69	80	75,33	299,66	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
79	Trần Thị	Hồng	19/05/1994	Nữ	Kinh	Thanh Xuân - Thanh Chương - Nghệ An	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	80	78	70,66	299,32	Hết chỉ tiêu
80	Dương Tuấn	Vũ	21/01/1989		Tày	Thôn 11 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7	78	80	69,66	297,32	Hết chỉ tiêu
81	Trần Ngọc	Quỳnh	24/11/1991	Nữ	Kinh	Ấp 5 - Đồng Tâm - Đồng Phú - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Hải Dương	11	81	77	68,33	294,66	Hết chỉ tiêu
82	Nông Thị	Liêm	01/09/1988	Nữ	Tày	Thôn 4 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	67,6	76,66	74,33	292,92	Hết chỉ tiêu
83	Hoàng Thị	Hương	02/09/1991	Nữ	Nùng	Thôn 7- Đăk D'Rông - Cư Jút - Đăk Nông	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương	7,11	80	80	66,33	292,66	Hết chỉ tiêu
84	Nông Thị	Vân	30/12/1993	Nữ	Tày	Eapo - Cư Jút - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7,11	73	87	65,66	291,32	Hết chỉ tiêu
85	Trương Thị Kiều	Oanh	20/09/1992	Nữ	Kinh	Thôn 6 - Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	72,1	80	69,33	290,76	Hết chỉ tiêu
86	Lộc Thị Việt	Hương	10/09/1989	Nữ	Tày	Phúc Lộc - Ba Bể - Bắc Kạn	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	70	70	75,33	290,66	Hết chỉ tiêu
87	Trần Thị Hồng	Nhung	18/08/1989	Nữ	Kinh	Thôn 11 - Đăk Rla - Đăk Mil - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	72	83	67,33	289,66	Hết chỉ tiêu
88	Phạm Văn	Huynh	29/07/1987	Nam	Tày	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	76	83	65	289	Hết chỉ tiêu
89	Nguyễn Đức	Luân	27/07/1987		Kinh	Đăk Ủy - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội		76	57	77,67	288,34	Hết chỉ tiêu
90	Hoàng Thị	Thảo	20/07/1992	Nữ	Tày	Thôn 5 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Tuyên Quang	7,11	74,4	82,5	65,66	288,22	Hết chỉ tiêu
91	Nông Thị	Bình	15/03/1990	Nữ	Tày	Thôn 2 - Thiện Hưng - Bù Đốp - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7,11	72	80	67	286	Hết chỉ tiêu
92	Trần Kim	Phượng	20/07/1988	Nữ	Nùng	Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	72	78	68	286	Hết chỉ tiêu
93	Nguyễn Thị	Cúc	15/10/1990	Nữ	Tày	Hiệp Đạt - Quảng Hiệp - Cư M'gar - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	74,9	74,9	68	285,8	Hết chỉ tiêu
94	Đàm Thị Ngọc	Thúy	05/05/1990	Nữ	Tày	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	7,11	75,6	80	65	285,6	Hết chỉ tiêu
95	Lê Thị Hồng	Vinh	15/05/1994	Nữ	Kinh	Long Sơn - Đăk Mil - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Nghệ An	11	63	57	82,33	284,66	Hết chỉ tiêu
96	Nông Văn	Thiết	21/07/1990	Nam	Nùng	Thôn 3 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học 12+2	TC	Chính quy	Trường CĐSP Đăk Lăk	7	75,79	80	64,33	284,45	Hết chỉ tiêu
97	Đào Thị Hương	Lan	10/01/1985	Nữ	Kinh	Thôn 6 - Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	11	76	73	66,66	282,32	Hết chỉ tiêu
98	Hoàng Thị	Hằng	04/06/1989	Nữ	Tày	Thôn 3 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	7,11	74,2	76	66	282,2	Hết chỉ tiêu
99	Bùi Bích	Phương	18/02/1990	Nữ	Mường	Eatling - Cư Jút - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7,11	74,6	74,6	66	281,2	Hết chỉ tiêu
100	Triệu Thị	Ngân	25/04/1991	Nữ	Tày	Thôn 5 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	70	72	69	280	Hết chỉ tiêu
101	Phạm Thị Hải	Yến	01/01/1992	Nữ	Kinh	Xã Cư Huê - huyện Eakar - tỉnh Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	72	80	64	280	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
102	Phạm Thị	Hằng	03/12/1992	Nữ	Kinh	196 Thôn 3 - Eakly - Krong Pắk - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Đăk Lăk	11	89	89	50,33	278,66	Hết chỉ tiêu
103	Nguyễn Thị	Hương	03/03/1991	Nữ	Kinh	Thôn 6 - Eakpam - Cư Mgar - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Quãng Nam	11	70	73	67,66	278,32	Hết chỉ tiêu
104	Lê Thị	Hạnh	08/01/1991	Nữ	Thổ	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Quảng Ninh	7,11	64	68,3	73	278,3	Hết chỉ tiêu
105	Phan Thị	Hiện	16/08/1989	Nữ	Thái	Phú Lộc - Krông Năng - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Quảng Nam	7,11	65	53	80	278	Hết chỉ tiêu
106	Hồ Thị Huyền	Trang	10/12/1993	Nữ	Kinh	Thôn 7 - Eapal - EaKar - Đăk Lăk	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Hải Dương	11	81	77	59,66	277,32	Hết chỉ tiêu
107	Nguyễn Thị	Hà	26/05/1992	Nữ	Kinh	Thọ Xuân - Thọ Xương - Thanh Hóa	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Hồng Đức	11	72,5	72,5	65	275	Hết chỉ tiêu
108	Nguyễn Thị Phương	Hà	07/11/1992	Nữ	Kinh	158 - Thôn 2 - EaKar Mút - EaKar - Đăk Lăk	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	79	87	53,66	273,32	Hết chỉ tiêu
109	Nông Văn	Hướng	04/09/1985	Nam	Tày	Thôn 5 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,10	77	87	54,33	272,66	Hết chỉ tiêu
110	Hoàng Thị Thanh	Luyến	14/12/1989	Nữ	Tày	Thôn 4 - Bình Minh- Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	7,11	77,4	85	54,67	271,74	Hết chỉ tiêu
111	Tô Thị	Lệ	12/10/1993	Nữ	Tày	Thôn 4 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	80	75	58,33	271,66	Hết chỉ tiêu
112	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	16/09/1992	Nữ	Kinh	Thôn 6 - Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11	69,7	69,7	65	269,4	Hết chỉ tiêu
113	Lê Văn	Khuyên	21/02/1994	Nam	Thổ	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Nghệ An	7	66	62	70,66	269,32	Hết chỉ tiêu
114	Nông Thị	Huế	24/08/1989	Nữ	Tày	Thôn 3 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	66	83	59,66	268,32	Hết chỉ tiêu
115	Lê Thị Thu	Huệ	29/02/1992	Nữ	Kinh	Đăk La - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường ĐH Quãng Nam	11	68	60	70	268	Hết chỉ tiêu
116	Đồng Thị	Na	08/11/1993	Nữ	Tày	Thôn 1 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	80	85	50,67	266,34	Hết chỉ tiêu
117	Trần Thị	Hồng	02/09/1991	Nữ	Kinh	Thôn 6 - Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Hồng Đức	11	72,1	72,1	61	266,2	Hết chỉ tiêu
118	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/08/1992	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	83	87	48	266	Không đạt
119	Triệu Thị	Hải	20/07/1992	Nữ	Nùng	Đắm Giơ - Thuận Hà - Đăk Song - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7,11	78	87	49,66	264,32	Không đạt
120	Đinh Xuân	Bách	20/12/1992	Nam	Tày	Tiến Thành - Phục Hòa - Cao Bằng	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7	75	75	57	264	Hết chỉ tiêu
121	Nông Hoàng	Đàn	10/02/1991	Nam	Tày	Thôn 13 - Đăk Drông - Cư Jút - Đăk Nông	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	7	78	70	58	264	Hết chỉ tiêu
122	Nguyễn Thị	Thu	20/10/1990	Nữ	Kinh	Thôn An Bình - Eapôk - CưmGar - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	11	77,8	77,8	53,33	262,26	Hết chỉ tiêu
123	Lục Thị	Hằng	05/05/1991	Nữ	Nùng	Thôn 10 - Nam Dong - Cư Jút - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7,11	68	78	57,33	260,66	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
124	Sầm Thị	Nhất	05/08/1985	Nữ	Tày	Bình Thắng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	7,11	72	75	56,66	260,32	Hết chỉ tiêu
125	Phùng Thế	Nghiệp	21/03/1993	Nam	Kinh	Cự Thắng - Thanh Sơn - Phú Thọ	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội		71	78	55	259	Hết chỉ tiêu
126	Bế Thị	Xuân	03/09/1987	Nữ	Tày	Nam Dong - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7,11	72,12	76	55,33	258,78	Hết chỉ tiêu
127	Lý Văn	Chương	19/05/1988	Nam	Tày	Thôn Eablông - Xã Eatân - Krông Năng - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	7	71,3	90	48	257,3	Không đạt
128	Nông Văn	Giáp	24/01/1987	Nam	Tày	Thôn 4 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	76	77	52	257	Hết chỉ tiêu
129	Hà Thị	Quỳnh	03/05/1988	Nữ	Nùng	Thôn 4 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Đồng Nai	7,11	69,32	55	66,33	256,98	Hết chỉ tiêu
130	Nông Thị	Phương	23/05/1991	Nữ	Nùng	Tam Phương - EaTam - Krông Năng - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Quy Nhơn	7,11	72,8	72,8	55,66	256,92	Hết chỉ tiêu
131	Hoàng Văn	Khoa	25/11/1990		Tày	Thôn 12 - Nam Dong - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7	72,47	64	59,33	255,13	Hết chỉ tiêu
132	Nguyễn Thị	Hồng	02/02/1993	Nữ	Kinh	Thôn Bù Ghe - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	11	70	63	59,33	251,66	Hết chỉ tiêu
133	Nguyễn Thị	Cúc	06/06/1992	Nữ	Kinh	Thôn 9 - Eakly - Krông Pắc Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	74	58	59	250	Hết chỉ tiêu
134	Trần Thị	Oanh	12/04/1992	Nữ	Kinh	Thôn 11B - Đăk Lao - Đăk Mil - Đăk Nông	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương	11	84	93	35,33	247,66	Không đạt
135	Triệu Thị	Huế	12/04/1987	Nữ	Nùng	Eatlung - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	75,54	70	51	247,54	Hết chỉ tiêu
136	Triệu Văn	Cương	25/08/1986		Dao	Thôn 5 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Cộng đồng Bắc Kạn	7	75	72	50	247	Hết chỉ tiêu
137	Hoàng Trung	Kiên	20/06/1990	Nam	Tày	Lăng Ngâm - Ngân Sơn - Bắc Kạn	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	76,7	83,33	42	244,03	Không đạt
138	Lý Văn	Huân	07/04/1991	Nam	Tày	Thôn Bù Ghe - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7	72	78	44,33	238,66	Không đạt
139	Huỳnh Thị Ngọc	Thúy	14/10/1992	Nữ	Kinh	Khu Đức Hòa - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	66,1	65	53,66	238,42	Hết chỉ tiêu
140	Vy Thị	Mẫn	10/05/1989	Nữ	Tày	Mỹ Phương - Ba Bể - Bắc Kạn	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	72	87	39	237	Không đạt
141	Hoàng Thị Hồng	Phấn	18/03/1989	Nữ	Nùng	Thôn 5 - Đăk N'DRót - Đăk Mil - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7,11	75,6	75,6	40,66	232,52	Không đạt
142	Đặng Thị Hồng	Nhung	13/10/1993	Nữ	Kinh	Thôn 3 - Kiến Thành - Đăk RLấp - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Đông Nam	11	73	83,33	38	232,33	Không đạt
143	Bế Thị	Dung	11/08/1985	Nữ	Tày	Thôn 3 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	78	93	28	227	Không đạt
144	Nông Thị	Duyến	17/02/1980	Nữ	Tày	Thôn 5 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Tây	7,11	80	77	34,66	226,32	Không đạt
145	Đặng Thị	Gái	16/10/1989	Nữ	Nùng	Thôn 12 - Nam Dong - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7,11	73,5	68	42	225,5	Không đạt
146	Đinh Văn	Quân	02/07/1986	Nam	Tày	Thôn 3 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7	65	73	41,33	220,66	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
147	Nông Thị	Huyền	23/03/1989	Nữ	Tày	Nà Hỏi - Phúc Lộc - Ba Bể - Bắc Kạn	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	75,5	74,5	35	220	Không đạt
148	Triệu Bình	Long	21/08/1988	Nam	Tày	EAHồ - Krông Năng - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Quy Nhơn	7	66,1	55	48,66	218,42	Không đạt
149	Lương Thị	Lư	28/12/1991	Nữ	Mường	Thôn Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7,11	72	75	35	217	Không đạt
150	Hoàng Thị	Anh	12/04/1993	Nữ	Tày	Thôn 4 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	72	55	44	215	Không đạt
151	Mông Thị	Tuyền	26/04/1990	Nữ	Tày	Hiệp Tiến - Quảng Hiệp - Cư Mgar - Đăk Lăk	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Nghệ An	7,11	70	70	37	214	Không đạt
152	Triệu Văn	Tiệp	16/09/1989	Nam	Nùng	Thôn Nà Duổn - Phúc Lộc - Ba Bể - Bắc Kạn	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Đại học Hải Phòng	7	69	73,3	33,33	208,96	Không đạt
153	Dương Thị	Trang	25/03/1991	Nữ	Nùng	Thôn 5 - Nam Dong - Cư Jút - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Bình	7,11	75	73	30,33	208,66	Không đạt
154	Thái Ngọc	Trường	23/10/1988	Nam	Kinh	Thôn 5 - Bình Hòa - Krông Ana - Đăk Lăk	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	5	74	90	22,33	208,66	Không đạt
155	Đinh Thị	Tươi	28/05/1993	Nữ	Tày	Làng Tu 1- Iaga - Chư Prông Gia Lai	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	74	73	30,66	208,32	Không đạt
156	Hứa Thị	Thấm	04/06/1977	Nữ	Tày	Thôn 9 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	78	78	25,33	206,66	Không đạt
157	Hoàng Thị Yến	Thanh	20/05/1993	Nữ	Kinh	Thôn 5 - Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	68,1	60	38,66	205,42	Không đạt
158	Trần Văn	Trường	08/08/1985	Nam	Kinh	Hải Anh - Hải Hậu - Nam Định	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	10	73	79	26	204	Không đạt
159	Bùi Thị Thanh	Tâm	25/07/1991	Nữ	Mường	Thôn 3 - Đồng Nai - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hòa Bình	7,11	67,48	77	29,33	203,14	Không đạt
160	Trần Thị Huyền	Trang	19/06/1990	Nữ	Kinh	Thôn Sơn Lập - Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	71,5	71,5	28	199	Không đạt
161	Lý Thị	Đẹp	04/08/1987	Nữ	Nùng	Thôn 3 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	68	82	23,66	197,32	Không đạt
162	Chu Văn	Tùng	01/10/1991		Kinh	Thôn 10 - Tâm Thắng - Cư Jut - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn		70	72	27,33	196,66	Không đạt
163	Hồ Thị Khánh	Tình	01/01/1988	Nữ	Kinh	Khu phố Tân Bình - Tân Xuân - Đồng Xoài - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	75	65	28	196	Không đạt
164	Hoàng Văn	Hữu	19/08/1986	Nam	Tày	Chu Hương - Ba Bể - Bắc Kạn	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	73,7	73,7	22,66	192,72	Không đạt
165	Đồng Thị	Tầm	29/06/1991	Nữ	Tày	Thôn 1 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7,11	73	78	20	191	Không đạt
166	Sầm Văn	Thế	24/02/1991	Nam	Tày	Thôn Đăk Xuyên - Đăk Nhau - Đăk Nhau	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	7	71	62	27,66	188,32	Không đạt
167	Đoàn Thị Ngọc	Huyền	01/10/1994	Nữ	Kinh	Thôn 8 - Eatur - Cư Kuin - Đăk Lăk	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương	11	75	80	16,33	187,66	Không đạt
168	Nguyễn Thị	Thúy	20/10/1989	Nữ	Kinh	Thuận An - Đăk Mil - Đăk Nông	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nội	11	72,7	72,7	20,66	186,72	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hình thức đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
169	Nông Văn	Thông	01/01/1990	Nam	Tày	Thôn 3 - Thống Nhất - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	61	68	28	185	Không đạt
170	Nguyễn Văn	Toán	26/01/1992	Nam	Tày	Thôn Bù Ghe - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7	70	68	20	178	Không đạt
171	Trần Thị	Oanh	12/04/1992	Nữ	Kinh	Khu phố Phước An - Tân Xuân - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	84	93	0	177	Không đạt (vắng)
172	Pảy Văn	Sấn	19/03/1992	Nam	Nùng	Đăk Wi - Đăk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn	7	75	82	10	177	Không đạt
173	Nông Thị	Miên	02/09/1990	Nữ	Tày	Lộc Quang - Lộc Ninh - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	CĐ	Chính quy	TrườngCĐSP TW TP. HCM	7,11	73	73,2	8,33	162,86	Không đạt
174	Long Văn	Nam	27/07/1993	Nam	Nùng	Thôn 8 - Nam Dong - Cư Jút - Đăk Nông	Sư phạm Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Lạng Sơn	7	65	63	15	158	Không đạt
175	Lê Thị	Xuân	20/02/1989	Nữ	Kinh	Tân Tiến - Bù Đốp - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP TP. HCM	11	79	79	0	158	Không đạt (vắng)
176	Lê Thị	Tâm	12/01/1993	Nữ	Kinh	Thôn 2 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Thủ Dầu Một	11	63	63	15	156	Không đạt
177	Trần Thị	Thu	22/08/1994	Nữ	Kinh	Thôn 4 - Bình Minh- Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường Cao đẳng Hải Dương	11	77	77	0	154	Không đạt
178	Đoàn Thị	Thu	15/08/1988	Nữ	Kinh	Yên Lâm - Yên Mô - Ninh Bình	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐSP Bắc Ninh	11	73	80	0	153	Không đạt (vắng)
179	Lưu Thị	Huệ	25/10/1981	Nữ	Tày	Tân Tiến - Bù Đốp - Bình Phước	Sư phạm Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Thái Nguyên	7,11	69	70	6,66	152,32	Không đạt
180	Đỗ Văn	Tiến	31/08/1993	Nam	Kinh	Đạt Hiệp - Cươm Gar - Đăk Lăk	Sư phạm giáo dụcTiểu học	TC	Chính quy	Trường CĐ Hải Dương	11	74	77	0	151	Không đạt (vắng)
181	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	01/01/1991	Nữ	Kinh	Bình Định Bắc - Thăng Bình - Quãng Nam	Giáo dục Tiểu học	TC	Chính quy	Trường ĐH Quảng Nam	11	67	60	0	127	Không đạt (vắng)
182	Hà Thị Thúy	Loan	02/01/1992	Nữ	Kinh	Thôn Sơn Lang - Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục Tiểu học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	63,86	60	0	123,86	Không đạt (vắng)

Danh sách này có 182 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 42).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D HUYỆN BÙ ĐĂNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIN TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/07/1990	Nữ	Kinh	Tân Hiệp - Bình Long - Bình Phước	Kỹ sư CNTT (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP KT Nam Định	11	84	84	100	368	Trúng tuyển
2	Trần Thị	Phương	15/04/1992	Nữ	Kinh	Tân Hiệp - Hớn Quản - Bình Phước	CĐ CNTT (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	CĐ	Chính quy	Trường CĐKT-CN TP HCM	11	71,8	71,8	100	343,6	Trúng tuyển
3	Trần Thị	Hường	19/03/1984	Nữ	Kinh	Thiện Hưng-Bù Đốp-Bình Phước	Cử nhân Tin học (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP KT Vinh	11	72,48	75	98	343,48	Trúng tuyển
4	Trần Văn	Lâm	10/10/1990	Nam	Kinh	Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ CNTT (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP bậc 1)	CĐ	Chính quy	Trường ĐH CNTP TP HCM		69,2	69,2	87,66	313,72	Hết chỉ tiêu
5	Lê Thị Mỹ	Hạnh	06/01/1992	Nữ	Kinh	Thống Nhất-Bù Đăng-Bình Phước	Cao đẳng SP Tin học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Đà Lạt	11	66,6	70	86,66	309,92	Hết chỉ tiêu
6	Sầm Thị	Ngân	05/11/1988	Nữ	Tày	Bom Bo-Bù Đăng- Bình Phước	Cử Nhân cao đẳng SP Toán Tin	CĐ	Chính quy	Trường ĐHSP Thái Nguyên	7,11	69,2	75	82	308,2	Hết chỉ tiêu
7	Phan Thị Thúy	Mùi	23/02/1991	Nữ	Kinh	Cát Tiên - Lâm Đồng	Cử nhân Toán học - chuyên ngành toán- tin (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Đà Lạt	11	68,2	68,2	82,33	301,06	Hết chỉ tiêu
8	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/08/1993	Nữ	Kinh	Đức Phong - Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	CĐSP Tin học	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11	71,7	71,7	77	297,4	Hết chỉ tiêu
9	Nguyễn Thị Bích	Loan	26/04/1992	Nữ	Kinh	Cát Tiên - Lâm Đồng	Cao đẳng SP Tin học	ĐH	Chính quy	Trường Đại học SP Đà Lạt	11	72,1	72,1	66,66	277,52	Hết chỉ tiêu
10	Bùi Minh	Nhật	11/12/1988	Nam	Kinh	Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	Cao đẳng SP Tin học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Quảng Trị	10	69,5	69,5	65	269	Hết chỉ tiêu
11	Phạm Thành	Luân	04/03/1990	Nam	Kinh	Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ Tin học (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	CĐ	Chính quy	Trường CĐ GTVT III (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)		79	79	49	256	Không đạt
12	Vi Thị	Yến	13/02/1987	Nữ	Nùng	Thống Nhất-Bù Đăng-Bình Phước	Cử nhân Công nghệ thông tin (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	ĐH	Hệ đào tạo từ xa qua mạng	Trường ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh	7,11	77,89	50	63,66	255,21	Hết chỉ tiêu
13	Nguyễn Văn	Chinh	24/04/1992	Nam	Tày	Thống Nhất-Bù Đăng-Bình Phước	Cao đẳng SP Toán-Tin	CĐ	Chính quy	Trường CĐCĐ Bắc Kạn	7	63,1	83,3	53,33	253,06	Hết chỉ tiêu
14	Vũ Thị Bích	Hà	03/07/1985	Nữ	Kinh	Minh Hưng-Bù Đăng-Bình Phước	Cao đẳng Tin học (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Cộng đồng Vĩnh Long	11	68,7	60	56,66	242,02	Hết chỉ tiêu
15	Lê Thị	Giang	04/03/1993	Nữ	Kinh	Thăng Long - Nông Cống - Thanh Hóa	CĐSP Toán-Tin học	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Hồng Đức	11	71,4	71,4	48	238,8	Không đạt

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
16	Nguyễn Duy	Luyện	02/06/1987	nam	Kinh	An Lộc - Lộc Hà-Hà Tĩnh	cử nhân khoa học - chuyên ngành sư phạm Tin học	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP Đà Nẵng		69,6	69,6	48	235,2	Không đạt
17	Nguyễn Bá	Mạnh	17/04/1993	Nam	Kinh	Ê a kênh - Krông pak -Đắk Lắk	CĐ Tin học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Đắk lắk		78,3	78,3	15	186,6	Không đạt
18	Phạm Thị	Hoà	27/06/1992	Nữ	Kinh	Yên Mô-Ninh Bình	cử nhân Toán - Tin học ứng dụng (Có chứng chỉ nghiệp vụ SP)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH KHTN	11	67,5	67,5	24	183	Không đạt

Danh sách này có 18 thí sinh (chi tiêu tuyển dụng 03).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN ANH VĂN TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 178./QĐ-UBND ngày 03. tháng 02. năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Nguyễn Thị Như	Trang	08/10/1990	Nữ	Tày	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	74,31	95	Miễn phỏng vấn		Tuyển thẳng (CT DT ít người)
2	Doanh Thị Thùy	Trinh	25/10/1991	Nữ	Tày	Thôn 5 - Bom Bo - Bù Đăng- Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	65,22	90	Miễn phỏng vấn		Tuyển thẳng (CT DT ít người)
3	Điểu Thị Nhân	Lộc	26/10/1991	Nữ	M'Nông	Đăng Lang - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	71,53	80	Miễn phỏng vấn		Tuyển thẳng (CT DT ít người)
4	Ngô Thị	Bình	05/4/1990	Nữ	Tày	Thôn 5- Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	63,97	70	Miễn phỏng vấn		Tuyển thẳng (CT DT ít người)
5	Trần Thị	Dung	19/05/1991	Nữ	Kinh	Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	70,92	90	97	354,92	Trúng tuyển
6	Nông Thị	Hương	04/7/1992	Nữ	Nùng	Phước Cát - Cát Tiên - Lâm Đồng	Cử nhân sư phạm tiếng anh	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	76,3	76,3	99,67	351,94	Trúng tuyển
7	Trần Thị Hằng	Ny	18/3/1993	Nữ	Kinh	Thôn 3- Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Thừa Thiên Huế	11	76,4	76,4	95	342,8	Trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Vàng	Anh	19/3/1993	Nữ	Kinh	Đức Lợi - Đức Phong - Bù Đăng	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	68,28	80	97	342,28	Trúng tuyển
9	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/10/1990	Nữ	Kinh	Phường Trung Sơn - Tam Điệp - Ninh Bình	Cư nhân sư phạm Song Ngữ Nga - Anh	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Thái Nguyên	11	71,8	71,8	99,33	342,26	Trúng tuyển
10	Hoàng Thị	Huyền	02/8/1989	Nữ	Nùng	CuElang -EaKar - Đak Lak	Cử nhân sư phạm tiếng anh	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	7,11	72,7	72,7	98	341,4	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
11	Hoàng Thị	Duyên	05/09/1990	Nữ	Nùng	Đồng tiến - Đồng Phú - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	66,02	85	94	339,02	Trúng tuyển
12	Thị Mỹ	Linh	14/01/1991	Nữ	Stiêng	Phường Phú Đức- Thị Xã Bình Long - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	70,73	90	89	338,73	Trúng tuyển
13	Cao Thị	Hằng	29/7/1982	Nữ	Kinh	Thôn 1 - Đường 10 - Bù Đăng - Bình Phước	ĐH tiếng anh (có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Từ xa	Trường ĐH mở Hà Nội	11	69,1	80	93,67	336,44	Trúng tuyển
14	Hoàng Thị	Ngọc	09/04/1992	Nữ	Kinh	Bom Bo - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Đà Lạt	3,11	69,6	75,38	95	334,98	Trúng tuyển
15	Đường Thị	Dung	24/06/1992	Nữ	Nùng	Bình Minh - Bù Đăng - tỉnh Bình Phước	Cử nhân sư phạm tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH Tây Nguyên	7,11	72,7	72,7	94,33	334,06	Trúng tuyển
16	Lê Thị	Anh	13/02/1991	Nữ	Kinh	Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh	ĐH sư phạm tiếng anh	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH Hà Tĩnh	5,11	70,8	70,8	96	333,6	Trúng tuyển
17	Nguyễn Thị	Thủy	08/02/1992	Nữ	Kinh	Đắk Xuyên - Đắk Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Nghệ An	11	71,9	71,9	94,66	333,12	Trúng tuyển
18	Nguyễn Thị	Chuyên	29/3/1993	Nữ	Tày	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	66,93	80	92,67	332,27	Trúng tuyển
19	Quách Thị	Xuân	18/12/1993	Nữ	Kinh	Gia Viễn - Cát Tiên - Lâm Đồng	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Đà Lạt	11	66,8	66,8	99,33	332,26	Trúng tuyển
20	Trần Thị Thu	Hiền	18/05/1993	Nữ	Kinh	Thôn 3 - Đoàn Kết - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	67,11	80	92,33	331,77	Trúng tuyển
21	Nguyễn Thị Việt	Hà	12/11/1992	Nữ	Kinh	Thôn 4 Minh Hưng -Bù Đăng - Bình Phước	Đại học Bình Dương Chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh (có chứng chỉ sư phạm)	ĐH	Chính Quy	Trường Đại học Bình Dương	11	67,3	67,3	98,33	331,26	Trúng tuyển
22	Lê Thị	Hậu	10/09/1991	Nữ	Kinh	Bình Thắng - Bù Gia Mập - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường ĐH sư phạm Nghệ An	11	71,2	71,2	94,33	331,06	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
23	Hoàng Thị	Loan	06/6/1990	Nữ	Kinh	Thanh Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	Cao đẳng Sư phạm tiếng anh (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Quảng Bình	11	68,5	68,5	96,67	330,34	Hết chỉ tiêu
24	Hoàng Thị Thu	Hường	16/10/1993	Nữ	Nùng	Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	7,11	65,88	75	93,67	328,22	Hết chỉ tiêu
25	Lê Thị Kim Mỹ	Duyên	25/10/1991	Nữ	Kinh	Thôn 5 - Đoàn Kết - Bù Đăng- Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	64,47	80	91,67	327,81	Hết chỉ tiêu
26	Lê Thị	Vân	16/7/1983	Nữ	Kinh	Đức Thọ - Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH Bình Dương	5,11	72	72	91,66	327,32	Hết chỉ tiêu
27	Triệu Thị	Bé	23/11/1991	Nữ	Tày	EaTam - Krông Năng - Đak Lak	Cao đẳng tiếng anh (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Vina Tex TP Hồ Chí Minh	7. 11	65,5	65,5	98	327	Hết chỉ tiêu
28	Lê Thị Hà	My	19/10/1987	Nữ	Kinh	451/7E Xô Viết Nghệ Tĩnh - Phường 26 Bình Thạnh - TPHCM	Cử nhân Ngữ Anh văn (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính Quy	ĐH Khoa học xã hội nhân văn	11	62,6	62,6	99	323,2	Hết chỉ tiêu
29	Huỳnh Thị Kim	Thùy	02/02/1992	Nữ	Kinh	Phước Tân - Bù Gia Mập- Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	65,33	70	93	321,33	Hết chỉ tiêu
30	Phạm Thị	Duyên	19/7/1989	Nữ	Kinh	Minh Hưng - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân Ngữ Văn Anh (có chứng chỉ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường Đại học khoa học xã hội nhân văn	11	65	65	94,16	318,32	Hết chỉ tiêu
31	Đặng Thị	Nga	05/05/1992	Nữ	Kinh	Thôn 2- Hưng Bình - Đăkr'lap - ĐăkNông	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm trung ương TPHCM	11	65,4	65,4	93,33	317,46	Hết chỉ tiêu
32	Nông Thị Nguyệt	Minh	05/06/1991	Nữ	Nùng	Thống Nhất - Đak Nhau - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH Đà Lạt	7,11	70,3	70,3	88	316,6	Hết chỉ tiêu
33	Lê Thị	Hoa	18/5/1990	Nữ	Kinh	Phú Sơn - huyện Bù Đăng Tỉnh Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường ĐH Hà Tĩnh	11	66,3	65	92,33	315,96	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
34	Trần Viết	Hải	10/10/1991	Nam	Kinh	Sơn Phú - Phú Sơn - Bù Đăng- Bình Phước	Cao đăng tiếng anh Thương mại (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính Quy	Trường ĐHKT- Kỹ thuật Bình Dương		66,6	66,6	91,33	315,86	Hết chỉ tiêu
35	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	10/04/1990	Nữ	Kinh	Trường Xuân - Đak Song Đak Nông	Cử nhân sư phạm tiếng anh	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH ngoại ngữ - ĐH Huế	11	71,7	71,1	86,33	315,46	Hết chỉ tiêu
36	Phạm Thị Hoài	Thương	05/02/1991	Nữ	Kinh	Đức Lập - Đức Phong - Bù Đăng- Bình Phước	CĐ tiếng anh (có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính Quy	Trường ĐH Thái Bình Dương	11	69	69	88	314	Hết chỉ tiêu
37	Cao Thị Kim	Thuận	20/7/1992	Nữ	Kinh	Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ tiếng anh (có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính Quy	Trường ĐH Quảng Nam	11	72,5	72,5	82,66	310,32	Hết chỉ tiêu
38	Phan Văn	Thìn	10/12/1989	Nam	Kinh	Phúc Đồng - Hương Khê - Hà Tĩnh	Cử nhân sư phạm tiếng anh	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH ngoại ngữ - ĐH Huế		70,4	70,4	84	308,8	Hết chỉ tiêu
39	Lưu Thị	Phượng	25/02/1992	Nữ	Tày	Thuận Phú - Đồng Phú- Bình Phước	Cao đẳng Sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước	7,11	63,8	70	85	303,8	Hết chỉ tiêu
40	Hoàng Thị	Nhung	05/10/1989	Nữ	Kinh	Long Bình - Bù Gia Mập - Bình Phước	Cử nhân tiếng anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính Quy	Trường ĐH Khoa học xã hội nhân văn	11	62	62	84,33	292,66	Hết chỉ tiêu
41	Hoàng Thị	Hoa	24/10/1988	Nữ	Kinh	Phú Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân ngôn ngữ anh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	ĐH	Chính Quy	Trường ĐH Yersin Đà Lạt	11	60,7	50	87,67	286,04	Hết chỉ tiêu
42	Trần Thị	Quỳnh	02/01/1993	Nữ	Kinh	Phước Quang - Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	67,91	75	67,33	277,57	Hết chỉ tiêu
43	Hoàng Thị	Thắm	22/8/1992	Nữ	Tày	Đăng Hà - Bù Đăng - Bình Phước	Cao Đẳng sư phạm tiếng anh (có chứng chỉ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường Cao Đẳng Cộng đồng Hà Tây	7,11	73,61	80	59,33	272,27	Hết chỉ tiêu
44	Trần Thị	Oanh	10/05/1991	Nữ	Kinh	Bình Thọ - Nghĩa Bình Bù Đăng- Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh (Có chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Nghệ An	11	62	62	71	266	Hết chỉ tiêu
45	Trần Thị Hồng	Thắm	25/7/1993	Nữ	Kinh	Đức Thọ - Đức Phong - Bù Đăng	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	66,25	80	52	250,25	Hết chỉ tiêu

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
46	Đoàn Thị Thanh	Ngọc	04/7/1993	Nữ	Kinh	Thôn 8 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường CĐ sư phạm Bình Phước	11	68,77	75	48	239,77	Không đạt
47	Võ Thị	Hiền	06/9/1990	Nữ	Kinh	An Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	Cao đẳng sư phạm tiếng anh (Chứng chỉ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Quảng Bình	11	63	63	50,33	226,66	Hết chỉ tiêu
48	Nguyễn Thị Huệ	Thoa	02/10/1992	Nữ	Kinh	Đak la - Đak Min - Đak Nông	Cao đẳng sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Sơn La	11	72,1	72,1	41	226,2	Không đạt
49	Phan Thị Hoài	Trang	10/04/1991	Nữ	Kinh	Thôn 7 - Bình Minh - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính Quy	Trường ĐH Hà Tĩnh	11	67,3	67,3	43,33	221,26	Không đạt
50	Lê Thị Hà	Trang	26/02/1992	Nữ	Kinh	Thôn 8 Bình Thắng - Bù Gia Mập- Bình Phước	Cao đẳng sư phạm tiếng anh	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước	11	69,38	80	32,33	214,04	Không đạt
51	Nguyễn Thị Thanh	Vân	20/12/1992	Nữ	Kinh	Xã Hòa Khánh - Thành phố BMT - Đak Lak	Cử nhân sư phạm tiếng anh	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Tây Nguyên	11	74,3	74,3	0	148,6	Không đạt (Vắng)
52	Biện Thị Hồng	Nhiên	02/12/1988	Nữ	Kinh	Bình Trung- Nghĩa Bình - Bù Đăng - Bình Phước	Cử nhân sư phạm tiếng anh (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường Đại học Bình Dương	11	67,8	67,8	0	135,6	Không đạt (Vắng)
53	Hoàng Thị Yến	Linh	22/11/1983	Nữ	Kinh	Thống nhất- Đak Nhau- Bù Đăng -Bình Phước	Cử nhân tiếng Anh	ĐH	Vừa học vừa làm	Trường Đại học Đà Lạt	11	62,6	62,6	0	125,2	Không đạt (Vắng)

Danh sách này có 53 thí sinh (chi tiêu tuyển dụng 21).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN THỂ DỤC TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Hoàng Văn	Đốc	06/07/1987	Nam	Tày	Phước Sơn-huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	SP Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Tây Nguyên	7	71,4	71,4	Miễn phỏng vấn		Tuyển thẳng (Cử tuyển DT ít người)
2	Nguyễn Xuân	Thành	15/02/1990	Nam	Kinh	Đoàn Kết-huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh		80,7	80,7	100	361,4	Trúng tuyển
3	Đàm Thị Hồng	Liên	05/07/1989	Nữ	Tày	Bình Thắng-huyện Bù Gia Mập-tỉnh Bình Phước	Sư phạm Thể dục thể thao	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Quy Nhơn	7,11	78,6	90	94,33	357,26	Trúng tuyển
4	Nguyễn Khắc	Cảnh	22/03/1985	Nam	Kinh	Phú Riềng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	VLVH	Trường đại học sư phạm thể dục thể thao TPHCM		72,9	80	98,66	350,22	Hết chỉ tiêu
5	Đậu Văn	Thăng	10/10/1985	Nam	Kinh	Tiến Thành- TX Đồng Xoài-tỉnh Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng		72,3	72,3	98,66	341,92	Hết chỉ tiêu
6	Nguyễn Văn	Hiển	06/09/1989	Nam	Kinh	TT Chơn Thành - huyện Chơn Thành	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường đại học thể dục thể thao Đà Nẵng		68,8	68,8	99,33	336,26	Hết chỉ tiêu
7	Lê Văn	Đầu	01/11/1985	Nam	Kinh	Linh An - Triệu Phong -Quảng Trị	Sư phạm giáo dục thể chất	ĐH	VLVH	Trường đại học Huế	10	71,79	65	99	334,79	Hết chỉ tiêu
8	Doanh Thiên	Nghị	27/05/1990	Nam	Tày	Đường 10- huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh	7	74,3	74,3	93	334,6	Hết chỉ tiêu
9	Dương Đình	Thống	20/05/1987	Nam	Kinh	Đắk Lao - Đắk Mil-Đắk Nông	Giáo dục thể chất	CĐ	Chính quy	Trường đại học Sư phạm TDTD TPHCM	5	70,53	80,66	90,66	332,51	Hết chỉ tiêu

10	Lê Văn	Hoàng	25/02/1991	Nam	Kinh	Long Hưng - Bù Gia Mập - Bình Phước	Giáo dục thể chất - Điền kinh (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH QT Hồng Bàn HCM		75	75	91	332	Hết chỉ tiêu
11	Vũ Viết	Ba	08/07/1988	Nam	Kinh	Ea Kiết -huyện Cư Mgar-tỉnh Đăk lắk	Sư phạm Thể dục thể chất	TC	Chính quy	Trường CĐSP Hải Dương		78	80	82,33	322,66	Hết chỉ tiêu
12	Lương Thị	Đềm	08/07/1991	Nữ	Tày	Bom Bo- huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Thể dục thể thao Đà Nẵng	7,11	69,7	69,7	90,33	320,06	Hết chỉ tiêu
13	Đồng Chi	Lê	13/01/1988	Nữ	Tày	Bom Bo- huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	SP Thể dục thể thao	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Hải Phòng	7,11	75,1	75,1	84,33	318,86	Hết chỉ tiêu
14	Nguyễn Ngọc	Chinh	04/08/1994	Nam	Kinh	Tịnh Đông- Sơn Tịnh-Quảng Ngãi	Sư phạm Thể dục thể thao	TC	Chính quy	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	6	64	73	86	309	Hết chỉ tiêu
15	Nguyễn Minh	Kiên	03/04/1988	Nam	Tày	Nari - BắcKạn	Giáo dục thể chất	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Hà Nam	7	71,97	77,5	79	307,47	Hết chỉ tiêu
16	Nguyễn Minh	Nhân	31/12/1986	Nam	Kinh	Thôn 1 -Nghĩa Trung Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục thể chất	CĐ	Chính quy	Trường Cao đẳng sư phạm Bình Phước		63	63	88	302	Hết chỉ tiêu
17	Bùi Thị	Hoành	10/08/1987	Nữ	Mường	Bom Bo- huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Sư phạm giáo dục thể chất	CĐ	Chính quy	Trường CĐTDTT Thanh Hóa	7,11	65	80	76,66	298,32	Hết chỉ tiêu
18	Nguyễn Thành	Sơn	20/12/1990	Nam	Kinh	Quảng Trực- huyện Tuy Đức-tỉnh Đăk Nông	Thể dục thể thao	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP Thái Nguyên		73,5	73,5	73	293	Hết chỉ tiêu
19	Nguyễn Chính	Tới	20/08/1989	Nam	Kinh	Chơn Thành - Bình Phước	Giáo dục thể chất - Quốc Phòng	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Quy Nhơn	5	71,9	80	67	285,9	Hết chỉ tiêu
20	Phan Quyết	Thắng	05/05/1985	Nam	Tày	Phước Cát 1- Cát Tiên-tỉnh Lâm Đồng	Giáo dục thể chất-Điền kinh (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Quốc tế Hồng Bàng TP HCM	7	69,5	69,5	66,66	272,32	Hết chỉ tiêu
21	Nguyễn Thị	Hường	13/08/1989	Nữ	Kinh	Eađar-Đăk Lắk	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Tây Nguyên	11	82,9	82,9	49,33	264,46	Không đạt
22	Ngô Minh	Tùng	19/08/1991	Nam	Kinh	Sơn Lơi - Thọ Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường ĐH SP TDTT HCM		75,4	75,4	53,33	257,46	Hết chỉ tiêu
23	Nguyễn Văn	Thiết	18/09/1989	Nam	Kinh	Thiện Hưng -Bù Đốp Bình Phước	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH TDTT Đà Nẵng		74,7	74,7	46,66	242,72	Không đạt
24	Trần Thị Thùy	Duyên	08/06/1991	Nữ	Kinh	KrôngAna - Đăk Lắk	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH TDTT TP Hồ Chí Minh	11	72	72	46	236	Không đạt
25	Phạm Ngọc	Toàn	06/03/1990	Nam	Kinh	Hải Dương - Hải Hậu - Nam Định	Cử nhân Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường đại học SPTDTT Hà Nội		66,9	67,5	49,66	233,72	Không đạt

26	Nguyễn Đăng	Thời	15/05/1985	Nam	Kinh	Hưng Thuỷ - Lệ Thuỷ - Quảng Bình	Sư phạm giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Đại học Huế		68,8	68,8	47,33	232,26	Không đạt
27	Mã Văn	Huấn	26/06/1989	Nam	Tày	Nam Dong- Cư jút- Đăk Nông	SP Giáo dục thể chất	TC	Chính quy	Trường ĐH Hải Phòng	7	74,3	74,3	35,66	219,92	Không đạt
28	Đặng Văn	Vính	25/09/1992	Nam	Kinh	Đức Liễu - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường ĐH TDTT Đà Nẵng	6	73,1	73,1	33,33	212,86	Không đạt
29	Trần Thị Thanh	Thuý	10/01/1987	Nữ	Kinh	Đắc Mâm-Krông Nô-Đắk Nông	Cử nhân thể dục thể thao (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường đại học thể dục thể thao TPHCM	7	68,8	68,8	36,33	210,26	Không đạt
30	Bế Ích	Nguyên	09/08/1986	Nam	Tày	EAH Đinh-huyện Cư M' Gar-tỉnh Đăk lắk	Giáo dục thể chất	ĐH	VLVH	Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh	7	75,6	75,6	28,33	207,86	Không đạt
31	Trương Quang	Trường	09/09/1990	Nam	Kinh	Bom Bo- huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH TDTT TP Hồ Chí Minh		65,1	65,1	23	176,2	Không đạt
32	Nguyễn Thủ	Kiều	01/02/1989	Nam	Kinh	Nghĩa Hồng - Nghĩa Đàn - Nghệ An	Giáo dục thể chất (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường đại học thể dục thể thao Đà Nẵng		64,3	64,3	21,33	171,26	Không đạt
33	Nguyễn Vặn	Ước	16/07/1991	Nam	Kinh	Iarvê-Easúp-Đắk Lắk	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường đại học Tây nguyên		82,3	82,3	0	164,6	Không đạt (vắng)
34	Nguyễn Văn	Sơn	25/12/1988	Nam	Kinh	Phú Lộc - Tân Phú - Đồng Xoài - Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	Chính quy	Trường đại học SPTDTT TPHCM		75,32	70	5	155,32	Không đạt
35	Bàn Văn	Quốc	14/04/1986	Nam	Kinh	Thôn 7 - Bom Bo - Bù Đăng - Bình Phước	Giáo dục thể chất	ĐH	VLVH	Trường đại học Sư phạm, đại học Thái Nguyên	7	66	71,7	0	137,7	Không đạt (vắng)
36	Nguyễn Đình	Thi	09/10/1985	Nam	Tày	Thôn 5- Đường 10- Bù Đăng -Bình Phước	Sư phạm giáo dục thể chất	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên	7	60,12	65	0	125,12	Không đạt

Danh sách này có 36 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 03).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN MỸ THUẬT TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Hoàng Minh	Kiên	31/07/1987	Nam	Tày	Bắc Kạn	CĐ SP Mỹ Thuật	CĐ	Chính quy	Trường CĐVHNT&DL Hạ Long	7,11	72,3	72,3	36,33	217,26	Không đạt
2	Triệu Thị	Nga	04/04/1986	Nữ	Nùng	Tiến Thành - Đồng Xoài - Bình Phước	Sư phạm Mỹ Thuật	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP TW	7;11	74,85	83,33	30,66	219,5	Không đạt
3	Nguyễn Thị	Nga	4/9/1991	Nữ	Kinh	ĐăkLăk	TC Mỹ Thuật (Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	TC	Chính quy	Trường TC VHNT Bạc Liêu	11	69,97	71,66	8	157,63	Không đạt
4	Phan Thị	Nhung	16/11/1988	Nữ	Kinh	Đắk Nông	CĐ SP Mỹ Thuật	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH Nghệ thuật	6, 11	75,7	82,5	7,33	172,86	Không đạt
5	Nông Minh	Thảo	14/7/1992	Nam	Tày	Phước Sơn - Bù Đăng - Bình Phước	Sư phạm Mỹ Thuật	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH NT Việt Bắc	7	74,4	90	16,33	197,06	Không đạt
6	Nguyễn Thị Thu	Thảo	14/9/1993	Nữ	Kinh	Long Giang-TX Phước Long-Bình Phước	CĐ SP Mỹ Thuật	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH NT TP HCM	11	72,22	81,25	35	223,47	Không đạt

Danh sách này có 06 thí sinh (chi tiêu tuyển dụng 01).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN ÂM NHẠC TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 118./QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Đàm Quý	Đình	29/10/1988	Nam	Tày	Bình Minh - Bù Đăng - BP	SP Âm nhạc (Có chứng chỉ NV SP)	TC	Chính quy	Trường TC VH NT Hưng Yên	7	80	77,5	73,66	304,82	Trúng tuyển
2	Mai Thị	Trang	09/10/1987	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung-huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	CĐSP Âm nhạc	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH Nghệ thuật Thanh Hóa	11	79	79	72,67	303,34	Trúng tuyển
3	Vũ Thị Phương	Hảo	26/09/1990	Nữ	Kinh	Long Bình-huyện Bù Gia Mập-tỉnh Bình Phước	CĐ SP Âm nhạc	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH nghệ thuật Thái Bình	5,11	72,54	90	67,3	297,14	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị	Thanh	04/04/1987	Nữ	Kinh	Thôn Bom Bo-xã Bình Minh huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Quản lý văn hóa nghệ thuật (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm âm nhạc)	TC	Chính quy	Trường CĐ văn hóa nghệ thuật và du lịch Nha Trang	11	70	73	76,33	295,66	Trúng tuyển
5	Phan Thị	Hạnh	20/01/1991	Nữ	Kinh	Cư Kuin - ĐakLắk	CĐ SP Âm nhạc	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP TW TP.HCM	11	74,3	74,3	68	284,6	Trúng tuyển
6	Vũ Thị	Dung	06/07/1986	Nữ	Kinh	Đức Liễu- huyện Bù Đăng-tỉnh Bình Phước	Cử nhân SP Âm nhạc	ĐH	Chính quy	Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương	6,11	73,2	73,2	63,66	273,72	Hết chỉ tiêu
7	Hoàng Thị Huyền	Trang	20/02/1992	Nữ	Kinh	Đức Phong - Bù Đăng - Bình Phước	CĐSP Âm nhạc	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Phú Yên	11	69,4	69,4	57	252,8	Hết chỉ tiêu
8	Đào Thị	Hiền	13/01/1993	Nữ	Kinh	Ea Ning-Cưkuin-Đăk Lăk	Trung cấp Âm nhạc(có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	TC	Chính quy	Trường Trung cấp vh nghệ thuật Hưng Yên	11	70	66	24,67	185,34	Không đạt
9	Nguyễn Tấn	Hồng	15/11/1987	Nam	Kinh	Bình Định Bắc-huyện Thăng Bình-tỉnh Quảng Nam	Cao đẳng Thanh nhạc(có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH Nghệ thuật và du lịch Sài Gòn	5	62,2	58,7	22,67	166,24	Không đạt
10	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	14/04/1993	Nữ	Kinh	Khu phố 2A - Đa Tèl - Lâm Đồng	CĐ SP Âm nhạc	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Đà Lạt	11	64,4	64,4	16	160,8	Không đạt

Danh sách này có 10 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 05).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM NHÂN VIÊN THIẾT BỊ TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 178./QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Điểu Thị	Minh	21/10/1989	Nữ	S'tiêng	Đồng Nai-Bù Đăng-Bình Phước	CĐ SP Hóa Học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	70,2	70,2	Miễn phỏng vấn		tuyển thẳng (Cử tuyển DT ít người)
2	Nguyễn Thị	Hoa	24/11/1990	Nữ	Kinh	Phước Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	Cử nhân SP Toán Học	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Tây Nguyên	6,7,11	73	73	95,33	336,66	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	12/10/1989	Nữ	Kinh	Đồng Nai-Bù Đăng-Bình Phước	Cử nhân SP Hóa Học	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Tây Nguyên	11	70,2	70,2	84,33	309,06	Hết chỉ tiêu
4	Lê Thị	Trang	19/09/1991	Nữ	Kinh	Thống Nhất-Bù Đăng -Bình Phước	Cử nhân Khoa học vật liệu (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	11	78,2	78,2	74,66	305,72	Hết chỉ tiêu
5	Huỳnh Thị Ngọc	Tân	03/01/1991	Nữ	Kinh	Tam Quang-Núi Thành - Quảng Nam	Cử nhân Vật lý	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Quy Nhơn	11	66,5	70	82	300,5	Hết chỉ tiêu
6	Trần Thị Ngọc	Thanh	04/08/1991	Nữ	Kinh	Đức Liễu-Bù Đăng-Bình Phước	CĐ SP Toán-Lý	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Hà Tĩnh	11	70,1	90	63	286,1	Hết chỉ tiêu
7	Hoàng Thị	Bích	16/02/1987	Nữ	Kinh	Nghĩa Trung-Bù Đăng-Bình Phước	SP Hóa Học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	69	69	73,33	284,66	Hết chỉ tiêu
8	Triệu Thị	Hiền	27/07/1990	Nữ	Nùng	Phước Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	CĐ SP Hóa Học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7;11	75,5	75,5	55,33	261,66	Hết chỉ tiêu
9	Phan Thành	Được	19/05/1991	Nam	Kinh	Nghĩa Trung - Bù Đăng - Bình Phước	CĐ SP Vật lý	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Sài Gòn		66,3	66,3	52,67	237,94	Hết chỉ tiêu
10	Nguyễn Thị	Tình	28/08/1989	Nữ	Kinh	Thuận Phú -Đồng Phú - Bình Phước	CĐ SP Hóa Học	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	11	73	73	25	196	Không đạt
11	Lưu Thị	Thi	08/04/1990	Nữ	Cao lan	Đăng Hà-Bù Đăng-Bình Phước	CĐ SP Vật lý	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Bình Phước	7,11	73,6	73,6	18,66	184,52	Không đạt
12	Lê Hạnh	Phúc	01/10/1987	Nữ	Kinh	TT Đức Phong-Bù Đăng-Bình Phước	Cử nhân Văn thư-Thiết bị	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Văn hóa Hà nội	11	77,7	85	0	162,7	Không đạt (Vắng)

Danh sách này có 12 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 2).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN - TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nguyễn Văn	Chuyên	18/07/1990	Nam	Kinh	Long Bình - Bù Gia Mập-Bình Phước	CĐ Thể dục- Đội (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	CĐ	Chính quy	Trường ĐHTDTT Đà Năng		77	77	95	344	Trúng tuyển
2	Nguyễn Văn	Lộc	28/01/1993	Nam	Kinh	Bù Đốp - Bình Phước	CĐ Thể dục- Đội	CĐ	Chính quy	Trường ĐHSP TDTT HCM		73,7	73,7	79	305,4	Trúng tuyển
3	Trịnh Thị	Thảo	16/06/1987	Nữ	Kinh	Nhân Cơ- Đăk Rlấp-Đăk Nông	CĐ Ngữ văn-Công tác đội	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Hải Phòng	11	72,6	80	53,66	259,92	Trúng tuyển
4	Lê Đình	Duẩn	18/02/1991	Nữ	Kinh	Sơn Diêm - Hương Sơn - Hà Tĩnh	CĐ Sư phạm Thể dục - Đoàn Đội	CĐ	Chính quy	Trường Đại học Hà Tĩnh		71,8	71,8	56,66	256,92	Trúng tuyển
5	Hoàng Thị	Hạnh	05/02/1985	Nữ	Nùng	Đắk Nông	CĐ SP Văn- Công tác đội	CĐ	Chính quy	Trường CĐSP Cao Bằng	7, 11	65,6	65	29	188,6	Không đạt
6	Trần Anh	Hoàng	18/05/1991	Nam	Kinh	Trà Bồng-Quảng Ngãi	CĐ SP Thể dục- Công tác đội	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Phạm Văn Đồng		62,8	65	11	149,8	Không đạt

Danh sách này có 06 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 04).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM THƯ VIỆN TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nông Thị	Hợp	27/02/1991	Nữ	Nùng	Thống Nhất-Bù Đăng-Bình Phước	Cử nhân Thư viện-Thông tin học	ĐH	Chính quy	Trường ĐHKHXH và nhân văn TP HCM	7,11	76,1	76,1	88	328,2	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị	Nguyệt	02/05/1990	Nữ	Kinh	Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	CĐ Thông tin -Thư viện	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Nội vụ Hà Nội	11	70	70	86,66	313,32	Trúng tuyển
3	Trần Thị	Thủy	05/05/1990	Nữ	Kinh	Minh Hưng-Bù Đăng-Bình Phước	cao đẳng Thư viện-Thông tin	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Văn hóa , TP HCM	11	72,02	70	73	288,02	Trúng tuyển
4	Bùi Thị	Dung	20/07/1992	Nữ	Kinh	Thọ Sơn-Bù Đăng-Bình Phước	CĐ Khoa học Thư viện	CĐ	Chính quy	Trường CĐVH Nghệ thuật Nghệ An	11	76,17	90	54,66	275,49	Trúng tuyển
5	Phạm Khắc	Hùng	08/09/1982	Nam	Kinh	Bù Nho-Bù Gia Mập-Bình Phước	Cử nhân khoa học Thư viện-Thông tin	ĐH	Chính quy	Trường ĐHKHXH nhân văn TP HCM		62,5	62,5	62	249	Trúng tuyển
6	Hoàng Thị	Bé	02/02/1991	Nữ	Tày	Bom Bo-Bù Đăng-Bình Phước	Khoa học Thư viện	ĐH	Chính quy	Trường ĐH Văn hóa TP HCM	7,11	69,3	69,3	46,66	231,92	Không đạt
7	Hoàng Thị	Bích	08/08/1988	Nữ	Tày	Cát Tiên - Lâm Đồng	trung cấp Thư viện-Thiết bị	TC	Chính quy	Trường CĐSP Trung Ương	7,11	73	76,66	6	161,66	Không đạt

Danh sách này có 07 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 06).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM NHÂN VIÊN THƯ VIỆN THCS

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Trần Thị Bích	Thảo	02/06/1989	Nữ	Kinh	TT Đức Phong-Bù Đăng-Bình Phước	Văn thư-Thư viện	CĐ	Chính quy	Trường ĐH Nội vụ Hà Nội	11	73	73	0	146	Không đạt (vắng)

Danh sách này có 01 thí sinh (chỉ iêu tuyển dụng 01).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN - TỔNG PHỤ TRÁCH ĐỘI THCS

(Kèm theo Quyết định số..178./QĐ-UBND ngày..03..tháng..02..năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Triệu Văn	Tư	04/02/1984	Nam	Nùng	Thiện Hưng -Bù Đốp - Bình Phước	Sư phạm thể dục-công tác đội	CĐ	Chính quy	Trường CĐ Hải Dương	7	77,2	83,3	31	222,5	Không đạt

Danh sách này có 01 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 03).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN THCS -MÔN ĐỊA LÝ

(Kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Phan Thị	Lan	20/09/1992	Nữ	Kinh	Thanh Chương-Nghệ An	Sư Phạm Địa Lý	Đại học	Chính quy	Trường Đại học Sư Phạm - đại học Huế	11	85,9	85,9	88,33	348,46	Trúng tuyển
2	Phạm Thị	Vân	16/04/1991	Nữ	Kinh	Đức Liễu-Bù Đăng - Bình Phước	Sư Phạm Địa Lý	Đại học	Chính quy	Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên	11	77,7	77,7	89,66	334,72	Hết chỉ tiêu

Danh sách này có 02 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 01).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN THCS - MÔN LỊCH SỬ

(Kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2015)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Trường đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm học tập (trung bình cộng kết quả các môn học)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Kết quả
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Lê Thị Hồng	Diễm	21/7/1992	Nữ	Kinh	Tân Hưng-Đức Phong-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm Lịch sử	Đại học	Chính quy	Trường đại học SP Quy Nhơn	11	78,7	78,7	98,33	354,06	Trúng tuyển
4	Trịnh Ngọc	Quân	15/7/1987	Nam	Kinh	Dur Kmăn-Krông Ana-Đắk Lắk	Sư phạm Lịch sử	Đại học	Chính quy	Trường đại học sư phạm - đại học Huế		69,6	69,6	83,66	306,52	Hết chỉ tiêu
3	Lộc Thị	Khuyên	26/07/1991	Nữ	Tày	Phú Thiện-Gia Lai	Sư phạm Lịch Sử	Đại học	Chính quy	Trường đại học SP Quy Nhơn	7,11	73,5	73,5	50,33	247,66	Hết chỉ tiêu
2	Phạm Văn	Hoa	20/12/1984	Nam	Kinh	Tiên Kỳ - Tân Kỳ - Nghệ An	Sư phạm Văn - Sử	Đại học	Chính quy	Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên		71,3	71,3	46,33	235,26	Không đạt
5	Vi Thị Hoài	Thu	20/10/1988	Nữ	Nùng	Thôn 8-Thống Nhất-Bù Đăng-Bình Phước	Sư phạm Lịch sử-giáo dục quốc phòng	Đại học	Chính quy	Trường đại học SP Thành Phố Hồ Chí Minh	7,11	68,1	68,1	43	222,2	Không đạt

Danh sách này có 05 thí sinh (chỉ tiêu tuyển dụng 01).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình